

**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH THÍ SINH NỘP BẢN SAO CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ,
KẾT QUẢ SAT NĂM 2026**

(Cập nhật đến 17g00 ngày 26/6/2026)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1	79105279	Đặng Phạm Thanh An	22/11/2008	7		
2	79010948	Đặng Thái An	06/08/2008	8.5		1560
3	79049509	Đào Quỳnh An	19/05/2008	6.5		
4	15005586	Đỗ Đức Bình An	13/06/2008	7		
5	79049510	Đoàn Bảo An	05/01/2008	7		
6	79005017	Đoàn Tổng Trường An	22/01/2008	6		
7	56018706	Đồng Hoàng An	13/03/2008	7		
8	79087694	Hồ Hoàng Minh An	17/07/2007	6.5		
9	75043054	Hồ Xuân An	27/04/2008	7		
10	79061908	Huỳnh Nguyễn Khánh An	01/06/2008	6.5		
11	66019328	Huỳnh Trần Triệu An	09/10/2008	7		
12	66022344	Khúc Ngọc Hoài An	26/04/2008	6		
13	79046286	Lê Hải An	02/10/2008	6.5		
14	79005021	Lê Hoàng Duy An	06/07/2008	7.5		
15	79001216	Lê Ngọc Phương An	17/05/2008	7		
16	79005025	Lê Trần Minh An	10/04/2008	7.5		1490
17	75050875	Lê Trường An	22/06/2008	7		
18	79050478	Nguyễn Cát An	19/09/2008	7.5		
19	79010951	Nguyễn Đoàn Minh An	17/01/2008	7		
20	79105285	Nguyễn La Bảo An	19/10/2008	6		
21	79006576	Nguyễn Lê Khánh An	07/10/2008	6.5		
22	86029262	Nguyễn Lê Kiều An	12/01/2008	6		
23	79005027	Nguyễn Minh An	23/01/2008	7		
24	92013474	Nguyễn My An	10/01/2008	7.5		
25	92013475	Nguyễn Mỹ An	10/01/2008	8		
26	79103957	Nguyễn Ngọc Quỳnh An	18/01/2008	6.5		
27	79300013	Nguyễn Thanh An	27/01/2008	7		
28	79051402	Nguyễn Thị Diễm An	16/10/2008	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
29	79002825	Nguyễn Thị Mỹ An	01/02/2008	7.5		
30	51007024	Nguyễn Trần Ngọc An	09/12/2008	7		
31	24024307	Nguyễn Trường An	14/11/2008	6.5		
32	92004624	Nguyễn Trường An	19/04/2007	7.5		
33	48011331	Nguyễn Việt Nam An	18/12/2008	7.5		
34	91028702	Phạm Gia An	24/06/2008	6		
35	52000005	Phan Gia An	10/08/2008	7.5		
36	79061913	Phan Ngọc Khánh An	18/09/2008	6.5		
37	79005033	Sái Hồ An	24/11/2008	7		
38	79089298	Trần Huỳnh Minh An	02/10/2008	6.5		
39	79010359	Trần Ngọc Thiên An	12/12/2008	6		
40	75000008	Trần Thị Xuân An	05/11/2008	6		
41	75000009	Trần Thiên An	23/10/2008	6		
42	79000021	Vũ Trần Thanh An	11/11/2008	6.5		
43	79076518	Đặng Thiên Ân	29/08/2008	6		
44	79033157	Huỳnh Nguyễn Hồng Ân	25/04/2008	6.5		
45	48011356	Lê Thy Ân	25/10/2008	6		
46	79005086	Ngô Minh Ân	21/01/2008	6.5		
47	79108180	Nguyễn Hoàng Phúc Ân	17/09/2008	7		
48	79061949	Phạm Thiên Ân	20/07/2008	6.5		
49	79097875	Phan Ngọc Gia Ân	20/12/2008	6		
50	79016202	Thuyền Tuấn Ân	15/07/2008	7		
51	79005036	Cao Ngọc Thùy Anh	02/09/2008	7		
52	79002829	Chu Hoàng Châu Anh	24/11/2008	7		
53	79005038	Đặng Nguyễn Phương Anh	04/11/2008	6.5		
54	68001761	Đào Hà Anh	30/10/2008	6		
55	79097835	Đào Hà Anh	19/06/2008	7		
56	79067972	Điệp Vũ Như Anh	05/09/2008	7		
57	56006967	Đỗ Châu Ngọc Anh	09/10/2008	6.5		
58	01020375	Đỗ Minh Anh	03/03/2008	7.5		1500
59	79047621	Đỗ Thị Vân Anh	04/10/2008	6		
60	79049526	Đoàn Lê Hà Anh	19/05/2008	7		
61	79070070	Hán Nguyễn Duy Anh	19/04/2008	6.5		
62	79051413	Hồ Đắc Anh	16/01/2008	6.5		
63	79049529	Hồ Quỳnh Anh	29/03/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
64	79015151	Hoàng Mai Anh	24/02/2008	7.5		1410
65	79031398	Hoàng Minh Anh	14/11/2008	7		
66	79010955	Hoàng Quốc Anh	11/09/2008	7.5		1520
67	79087714	Huỳnh Anh	28/10/2008	6		
68	79010957	Huỳnh Trâm Anh	05/09/2008	6.5		
69	79020775	Huỳnh Tú Anh	05/04/2008	7.5		
70	79010958	Kim Huỳnh Ngân Anh	03/11/2008	8		1500
71	79048824	Lại Trí Quốc Anh	15/12/2008	7.5		
72	79010959	Lâm Khải Minh Anh	29/05/2008	7.5		1410
73	79061322	Lâm Quỳnh Anh	17/06/2007	8		1490
74	82027704	Lâm Trần Minh Anh	07/01/2008	6.5		
75	75032743	Lê Đức Anh	20/08/2008	6.5		
76	66022371	Lê Hoàng Hà Anh	28/10/2008	8		1430
77	79061918	Lê Huyền Anh	07/09/2008	6.5		
78	79016185	Lê Kỳ Anh	15/02/2008	6		
79	79010960	Lê Lan Anh	08/04/2008	7		
80	79125699	Lê Mai Anh	02/03/2008	6		
81	79125700	Lê Minh Anh	28/08/2008	8		
82	82031859	Lê Ngọc Phương Anh	03/12/2008	7.5		
83	79049540	Lê Nguyễn Châu Anh	07/03/2008	8		1460
84	79010961	Lê Nguyễn Thảo Anh	10/08/2008	7.5		
85	79002835	Lê Nguyễn Trâm Anh	13/06/2008	7		
86	79061919	Lê Nguyễn Vân Anh	01/06/2008	6.5		
87	79036100	Lê Phạm Phương Anh	08/04/2008	6		
88	75000021	Lê Quỳnh Anh	07/01/2008	7		
89	79036733	Lê Quỳnh Anh	03/10/2007	6.5		
90	79061324	Lê Quỳnh Anh	09/12/2007	6		
91	79061920	Lê Quỳnh Anh	03/02/2008	7		
92	86015151	Lê Thế Anh	01/05/2008	8		
93	79033141	Lê Thùy Minh Anh	31/10/2008	6.5		1400
94	56008202	Lê Trần Minh Anh	23/08/2008	7		
95	79010965	Lê Tuấn Anh	23/06/2008	8		1440
96	79053453	Lê Tuấn Anh	17/10/2008	6.5		
97	79010966	Lê Võ Tú Anh	29/09/2008	7.5		
98	79049543	Lương Hoàng Anh	23/08/2008	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
99	68024672	Lương Quỳnh Anh	01/02/2008	6		
100	79010968	Lý Công Anh	04/08/2008	7.5		1460
101	79010969	Lý Hoàng Anh	27/01/2008	7.5		1390
102	79010970	Mạc Thái Trâm Anh	14/05/2008	6.5		
103	66022376	Mai Trần Hoàn Anh	05/12/2008			1350
104	79010971	Ngô Ngọc Trâm Anh	03/11/2008	7		1360
105	79002840	Nguyễn Bảo Thùy Anh	01/09/2008	6		
106	68001769	Nguyễn Châu Anh	23/01/2008	6		1440
107	79058662	Nguyễn Châu Anh	02/09/2008	6.5		1350
108	68005867	Nguyễn Chu Vân Anh	05/11/2008	6		
109	79060925	Nguyễn Cửu Quỳnh Anh	23/01/2008	7.5		
110	79005042	Nguyễn Diệp Anh	22/06/2007	8.5		
111	79008123	Nguyễn Đỗ Minh Anh	27/12/2008	6		
112	79005045	Nguyễn Đỗ Phương Anh	13/05/2008	6.5		
113	79010974	Nguyễn Duy Anh	31/10/2008	7		
114	79049545	Nguyễn Hồ Mai Anh	12/11/2008	6		
115	79010975	Nguyễn Hoàng Anh	26/12/2008	7		
116	79108165	Nguyễn Hoàng Anh	27/01/2008	6		
117	79010976	Nguyễn Hoàng Lan Anh	24/01/2008	7		
118	79061924	Nguyễn Hoàng Minh Anh	09/05/2008	7.5		1370
119	79010978	Nguyễn Hoàng Phương Anh	06/07/2008	7.5		1410
120	79049547	Nguyễn Hồng Anh	28/05/2008	6		
121	91015037	Nguyễn Lâm Quỳnh Anh	17/09/2008	6.5		
122	79005048	Nguyễn Lan Anh	13/08/2008	7.5		
123	01020398	Nguyễn Mai Anh	07/02/2008	6.5		
124	79000051	Nguyễn Mạnh Hà Anh	01/09/2008	7		
125	01020400	Nguyễn Minh Anh	28/08/2008	7		
126	52000013	Nguyễn Ngọc Anh	31/10/2008	6.5		
127	68000033	Nguyễn Ngọc Anh	08/01/2008	6		
128	79010984	Nguyễn Ngọc Minh Anh	13/10/2008	7.5		
129	79010985	Nguyễn Ngọc Minh Anh	15/08/2008	6.5		1460
130	79002845	Nguyễn Ngọc Phương Anh	04/08/2008	6		
131	79005052	Nguyễn Ngọc Phương Anh	06/01/2008	6		
132	79010987	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	24/01/2008	6.5		
133	79033148	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	16/06/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
134	52023707	Nguyễn Ngọc Trang Anh	03/11/2008	6		
135	79061334	Nguyễn Ngọc Vân Anh	07/03/2007	6		
136	86011481	Nguyễn Ngọc Vân Anh	24/11/2008	7		
137	79070074	Nguyễn Như Anh	23/12/2008	7		
138	79010988	Nguyễn Phan Tú Anh	23/03/2008	7.5		1410
139	79010990	Nguyễn Phương Anh	02/02/2008	6.5		
140	79064364	Nguyễn Quang Hải Anh	25/07/2007	7		
141	79051431	Nguyễn Quỳnh Anh	30/04/2008	6		
142	79033149	Nguyễn Thái Minh Anh	11/05/2008	6.5		
143	79061337	Nguyễn Thái Trâm Anh	28/02/2007	6.5		
144	75006662	Nguyễn Thị Hà Anh	01/05/2008	6.5		
145	79039878	Nguyễn Thị Kim Anh	18/07/2007	6.5		
146	79125727	Nguyễn Thị Phương Anh	15/02/2008	6.5		
147	79049579	Nguyễn Thị Xuân Anh	01/02/2008	6		
148	79002849	Nguyễn Thiên Quỳnh Anh	13/02/2008	6		
149	79058670	Nguyễn Tiến Anh	02/01/2008	6.5		
150	79002850	Nguyễn Trâm Anh	25/09/2008	6.5		
151	79129702	Nguyễn Trần Hải Anh	04/04/2008	6		
152	75000034	Nguyễn Trần Minh Anh	26/05/2008	7		
153	86015162	Nguyễn Trần Minh Anh	06/06/2008	6		
154	79061338	Nguyễn Trần Nhật Anh	10/07/2008	6.5		
155	79061932	Nguyễn Trần Xuân Anh	17/03/2008	6.5		
156	79010993	Nguyễn Tường Anh	27/11/2008	7		
157	79020783	Nhan Hồng Anh	28/03/2008	7.5		
158	56018043	Phạm Hà Anh	26/03/2008	7		
159	46003535	Phạm Hồ Trâm Anh	25/03/2007	7		
160	79108172	Phạm Hồng Anh	01/02/2008	6		
161	79010994	Phạm Huy Anh	02/06/2008	6.5		1430
162	56008212	Phạm Lê Lan Anh	25/03/2008	6.5		
163	79105334	Phạm Mai Hoàng Anh	19/03/2008	7		
164	79125734	Phạm Nguyễn Mai Anh	02/03/2008	6		
165	79108173	Phạm Phúc Anh	20/04/2008	6.5		
166	79016194	Phạm Phương Anh	04/10/2008	7		
167	79005067	Phạm Thị Minh Anh	31/08/2008	7.5		1430
168	79105335	Phạm Tuấn Anh	27/01/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
169	79049566	Phạm Vũ Minh Anh	28/11/2008	6		
170	79050543	Phan Minh Anh	04/11/2008	6.5		
171	79105336	Phan Minh Anh	14/01/2008	6		
172	79020786	Phan Quỳnh Anh	20/04/2008	6.5		
173	79047639	Phan Quỳnh Anh	25/07/2008	6		
174	79125397	Phan Thụy Châu Anh	09/10/2008	7.5		
175	79016197	Phan Tuấn Anh	26/02/2008	6		
176	79126587	Phan Văn Hoàng Anh	29/03/2008	6		
177	79108175	Phùng Tuấn Anh	08/10/2008	6		
178	79010995	Tạ Đức Anh	06/04/2008	6.5		
179	79061940	Tạ Ngọc Minh Anh	30/06/2008	6.5		
180	79033154	Thái Lâm Trâm Anh	23/11/2008	7.5		
181	79000050	Thân Ngọc Minh Anh	28/03/2008	6		
182	79032551	Tô Nguyễn Châu Anh	25/03/2007	6		
183	79049568	Tôn Trần Trâm Anh	21/04/2008	6.5		
184	79001848	Trần Duy Quốc Anh	17/03/2008	6.5		
185	79005075	Trần Hoàng Anh	26/08/2008	7.5		
186	66030169	Trần Hoàng Trâm Anh	02/11/2008	7		
187	48005333	Trần Lê Hải Anh	25/12/2008	6		
188	79061941	Trần Lưu Phúc Anh	04/11/2008	6		
189	92010025	Trần Nam Anh	23/05/2007	6		
190	79036743	Trần Ngọc Anh	07/12/2007	7		
191	79010999	Trần Ngọc Phương Anh	14/08/2008	6.5		
192	86029282	Trần Ngọc Trâm Anh	19/02/2008	7		
193	79105342	Trần Nguyễn Minh Anh	26/04/2008	8		1430
194	48014932	Trần Nguyễn Thục Anh	17/04/2008	7		
195	86015167	Trần Nguyễn Thùy Anh	19/09/2008	6.5		
196	79015615	Trần Nhật Phương Anh	10/03/2008	6		
197	79016199	Trần Nhật Phương Anh	23/03/2008	7.5		
198	22008763	Trần Phạm Thái Anh	09/01/2008	6		
199	79029237	Trần Phương Anh	12/05/2008	6.5		
200	79105344	Trần Quỳnh Anh	20/04/2008	6.5		
201	79087737	Trần Thị Kiều Anh	26/07/2008	6.5		
202	01036319	Trần Thị Mai Anh	20/08/2008	6.5		
203	22005874	Trần Thị Phương Anh	09/01/2008	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
204	82007455	Trần Tuấn Anh	04/10/2008	6		
205	79061944	Trần Tuấn Kiệt Anh	09/12/2008	7.5		1380
206	48017158	Trần Vân Anh	17/04/2008	6		
207	79105346	Trần Việt Phương Anh	15/08/2008	6.5		
208	91015864	Trì Hoàng Ngọc Anh	04/09/2008	6		
209	79016200	Trương Bùi Quỳnh Anh	25/08/2008	6		
210	79058681	Trương Tùng Anh	12/12/2008	6.5		
211	79105398	Trương Việt Anh	05/06/2008	6		
212	79033156	Võ Lê Mai Anh	28/07/2008	7		
213	79101502	Võ Lim Anh	02/05/2008	6.5		
214	92007832	Võ Minh Anh	14/12/2008	8		
215	86011490	Võ Ngọc Lan Anh	09/01/2008	6		
216	80000852	Võ Nguyễn Tâm Anh	09/12/2008	6.5		
217	79000064	Võ Trương Vân Anh	12/04/2008	6		
218	79049575	Vũ Đức Anh	26/05/2008	7		1440
219	79051442	Vũ Hà Nam Anh	22/07/2008	6		
220	66021652	Vũ Lê Bảo Anh	27/10/2008	6.5		
221	79051444	Vũ Ngọc Mai Anh	25/02/2008	7		
222	79061947	Vũ Nguyễn Thái Anh	09/12/2008	7		
223	79069020	Vũ Thị Quỳnh Anh	05/08/2008	6		
224	75025584	Vũ Trần Minh Anh	08/01/2008	6		
225	79032556	Lê Phan Hồng Ánh	04/07/2008	6		
226	79051451	Lê Xuân Ánh	16/09/2008	6		
227	82015705	Nguyễn Nguyệt Ánh	04/05/2008	6.5		
228	51011509	Nguyễn Phạm Mỹ Ánh	14/10/2007	6		
229	79000832	Nguyễn Thị Ánh	14/07/1992	7		
230	79105351	Phan Nhật Ánh	17/05/2008	7		
231	79011004	Trần Lâm Nhật Ánh	05/06/2008	7		
232	79011005	Trần Minh Ánh	01/02/2008	7		
233	01020440	Hồ Sỹ Bắc	20/04/2008	7		
234	79011021	Nguyễn Bá Phương Bắc	09/12/2008	7.5		1530
235	79005088	Hoàng Gia Bách	17/09/2008	7		1400
236	79011009	Trần Duy Bách	28/04/2008	6		
237	79126619	Trần Hữu Bách	26/09/2008	6.5		
238	79062925	Vũ Đình Việt Bách	28/11/2007	7		1450

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
239	68000848	Trần Hoàng Khánh Bằng	28/06/2008	7		
240	79105377	Lê Hải Bằng	18/05/2008	6.5		
241	79061950	Diệp Trịnh Nguyên Bảo	11/04/2008	6		
242	80019525	Đình Gia Bảo	19/07/2008	7		
243	79011012	Đoàn Gia Bảo	16/07/2008	8		
244	75000803	Dương Gia Bảo	13/09/2008	6.5		
245	75015831	Dương Gia Bảo	27/12/2008	6		
246	79005091	Dương Gia Bảo	07/06/2008	6.5		
247	66023441	Hà Gia Bảo	08/09/2008	6.5		
248	82034245	Huỳnh Ngọc Thiên Bảo	15/04/2008	6.5		
249	75000066	La Nguyễn Quốc Bảo	27/01/2008	6.5		
250	42006042	Lê Gia Bảo	30/10/2008	7		
251	75025600	Lê Gia Bảo	17/03/2008	6.5		
252	79058691	Lê Gia Bảo	11/09/2008	7.5		
253	86029298	Lê Hàn Chí Bảo	09/04/2008	7.5		
254	79105365	Lê Hữu Bảo	14/06/2008	6.5		
255	79011013	Nguyễn Gia Bảo	27/10/2008	8		1510
256	82029919	Nguyễn Hồ Gia Bảo	25/10/2008	6		
257	79058696	Nguyễn Hoàng Bảo	30/07/2008	7		
258	79011014	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	31/08/2008	6		
259	79020793	Nguyễn Kim Bảo	28/07/2008	6		
260	79105366	Nguyễn Lê Hữu Bảo	29/10/2008	7.5		
261	79011015	Nguyễn Phúc Gia Bảo	21/02/2008	7		1370
262	79116311	Nguyễn Phước Thiên Bảo	26/07/2008	7		1390
263	79036766	Nguyễn Thái Gia Bảo	26/10/2006	6		
264	66030187	Nguyễn Thành Phúc Bảo	11/09/2008	6.5		
265	96000042	Nguyễn Thế Bảo	24/10/2008	6.5		
266	79011016	Nguyễn Tiến Bảo	25/06/2008	7		
267	79005103	Nguyễn Trần Nguyên Bảo	10/07/2008	6		
268	79020794	Nguyễn Văn Gia Bảo	25/08/2008	7.5		
269	79060333	Nguyễn Văn Năng Bảo	20/03/2008	7.5		
270	79105372	Phạm Hoàng Gia Bảo	06/04/2008	6.5		
271	79005106	Phạm Nguyễn Thiên Bảo	11/04/2008	7.5		
272	79061956	Phạm Thiên Bảo	26/05/2008			1410
273	79016205	Tô Hoàng Gia Bảo	31/03/2008	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
274	79011018	Trần Đình Bảo	18/08/2008	6		
275	79061960	Trương Gia Bảo	21/05/2008	6.5		
276	79105376	Võ Khắc Bảo	10/04/2008	7.5		1400
277	79011022	Lưu Ngọc Bích	23/05/2008	6		
278	79002869	Nguyễn Ngọc Bích	31/01/2008	6.5		
279	79051465	Đặng Thái Bình	18/02/2008	7.5		
280	79108189	Đinh An Bình	01/11/2008	7		
281	79012593	Đỗ Hồ Khánh Bình	11/08/2008	6.5		
282	79011024	Đồng Tất Bình	08/02/2008	8		1530
283	79108188	Dương Võ Duy Bình	27/04/2008	6.5		
284	75000079	Nguyễn Thị Thanh Bình	01/04/2008	7		1410
285	79102687	Nguyễn Thị Thanh Bình	27/11/2008	6		
286	79102688	Phạm Nguyễn Tuấn Bình	29/11/2008	7.5		
287	52000041	Trần Duy Bình	29/05/2008	6		
288	79088534	Trần Ngọc Gia Bình	22/04/2007	6.5		
289	66021683	Trần Như Bình	10/10/2008	7		
290	79069040	Trần Thiện Bình	12/10/2008	8		1410
291	79020798	Trương Nguyễn Hòa Bình	19/06/2008	7.5		
292	79002870	Trương Phước Bình	23/10/2008	6		
293	79105383	Võ Thanh Bình	24/06/2008	6.5		
294	82012890	Võ Thanh Bình	18/04/2006	6.5		
295	79061962	Ngô Gia Bửu	13/12/2008	6.5		
296	79020799	Nguyễn Đặng Vân Cát	06/06/2008	8		
297	79051469	Phạm Mai Hồng Cát	24/07/2008	7.5		
298	66030201	Phạm Ngọc Minh Chân	16/02/2008	7.5		1460
299	79011027	Lê Tinh Chân	12/09/2008	6.5		
300	79033169	Ngô Minh Chánh	04/04/2008	7		
301	79011028	Bùi Minh Châu	20/06/2008	6.5		
302	79011029	Đào Ngọc Bảo Châu	30/01/2008	8		1480
303	86011510	Đoàn Bảo Châu	05/11/2008	6.5		1550
304	82007487	Hồ Nguyễn Bảo Châu	29/03/2008	7		
305	79015189	Huỳnh Ngọc Bảo Châu	18/08/2008	6.5		
306	79108195	Huỳnh Ngọc Kim Châu	23/02/2008	6		
307	79000107	Lê Hoàng Bảo Châu	14/12/2008	7		
308	79016211	Lôi Gia Minh Châu	06/11/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
309	79058713	Lương Phan Bảo Châu	11/03/2008	7.5		1360
310	79037365	Nguyễn Dương Ái Châu	20/08/2008	6		
311	75025618	Nguyễn Hoàng Minh Châu	03/06/2008	6		
312	66032637	Nguyễn Huyền Bảo Châu	22/04/2008	6.5		
313	79016212	Nguyễn Lê Bảo Châu	05/05/2008	8		
314	79133888	Nguyễn Ngọc Châu	24/12/2008	7		
315	79011032	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	05/08/2008	6		
316	79098556	Nguyễn Ngọc Hồng Châu	26/08/2008	7.5		
317	01069260	Nguyễn Ngọc Minh Châu	11/06/2008	7		
318	01069261	Phạm Đình Minh Châu	28/02/2008	7		
319	01027776	Phạm Minh Châu	06/11/2008	6		
320	79002878	Phạm Minh Châu	23/05/2008	7.5		1420
321	79011033	Phan Ngọc Minh Châu	21/08/2008	7		1420
322	86029317	Tô Minh Châu	21/01/2008	6.5		
323	79005117	Trần Nguyễn Bảo Châu	06/11/2008	7		
324	66030210	Trần Thị Diệu Châu	27/02/2008	6.5		1410
325	79015194	Trang Tú Châu	14/06/2008	7		
326	80008426	Trương Hoài Minh Châu	17/05/2008	6		
327	75021285	Võ Ngọc Hoàng Châu	15/12/2008	7		
328	79002880	Đặng Thiên Linh Chi	28/09/2008	7		
329	51006287	Đoàn Ngân Chi	23/10/2008	6		
330	79105391	Đoàn Ngọc Nam Chi	04/01/2008	6		
331	79010424	Nguyễn Mai Quỳnh Chi	17/04/2008	7.5		
332	48004549	Nguyễn Ngọc Quỳnh Chi	04/03/2008	6		
333	79048857	Nguyễn Quế Chi	21/11/2008	6		
334	56018069	Nguyễn Vũ Uyên Chi	20/05/2008	6.5		
335	79000115	Nguyễn Vũ Uyên Chi	10/11/2008	6.5		
336	79058718	Phạm Ngọc Lan Chi	29/11/2008	6		
337	96012071	Phan Quỳnh Chi	19/09/2008	7		1360
338	79020803	Trần Ngọc Mai Chi	24/02/2008	7.5		
339	24024405	Vũ Lan Chi	29/10/2008	6.5		
340	79011036	Trần Tiến Nguyên Chương	17/01/2008	7.5		1390
341	79002883	Nguyễn Song Chuyên	16/05/2008	6.5		
342	66030221	Nguyễn Mạnh Cường	20/11/2008	6.5		
343	79075962	Huỳnh Nhật Cường	21/07/2008	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
344	44006787	Nguyễn Chí Cường	18/02/2008	7		
345	79011037	Nguyễn Xuân Cường	03/02/2008	6.5		
346	68001829	Phạm Mạnh Cường	25/03/2008	7		
347	92022004	Trịnh Chí Cường	12/03/2008	6		
348	79016226	Lê Gia Đại	28/06/2008	7		
349	92022005	Trần Dũ Dân	14/07/2008	7		
350	79011039	Trần Ngọc Dân	02/06/2008	7		
351	48018909	Huỳnh Khánh Đan	22/03/2008	6.5		
352	86011554	Lê Khánh Đan	19/02/2008	6		
353	79105451	Nguyễn Linh Đan	21/10/2008	8		
354	44015442	Nguyễn Ngọc Khánh Đan	17/09/2008	6		
355	82027766	Nguyễn Ngọc Minh Đan	05/02/2008	7		
356	79051513	Nguyễn Trần Khánh Đan	22/10/2008	6.5		
357	79011055	Phạm Minh Đan	21/08/2008	7		1340
358	79033195	Tôn Quỳnh Linh Đan	01/01/2008	6		
359	79020812	Trần Nguyễn Việt Đan	01/12/2008	6		
360	52000589	Trần Nguyên Đán	02/09/2008	8		
361	79011057	Hồ Tấn Minh Đăng	23/02/2008	6.5		1350
362	75017998	Lê Hoàng Hải Đăng	18/11/2008	7.5		
363	68016410	Nguyễn Dương Hải Đăng	26/02/2008	6		
364	79105468	Nguyễn Lê Hải Đăng	28/08/2008	7		
365	79012680	Nguyễn Minh Đăng	29/04/2008	6		
366	91015935	Nguyễn Ngọc Nhã Đăng	17/11/2008	6		
367	56007721	Vũ Nguyễn Hải Đăng	09/04/2008	7		
368	79011060	Vũ Nguyễn Hải Đăng	26/05/2008	7		1490
369	96000072	Đỗ Phúc Danh	29/06/2008	6.5		
370	82027741	Dương Huỳnh Công Danh	25/09/2008	6		
371	79011038	Hà Hoàng Danh	15/01/2008	7		1410
372	66022511	Cao Xuân Tuấn Đạt	14/07/2008	6.5		
373	79049635	Đặng Đình Tiến Đạt	24/07/2008	6		
374	86029346	Lâm Mẫn Đạt	12/08/2008	8		1580
375	66022518	Lê Quốc Đạt	22/04/2008	6		
376	79002903	Nguyễn Hữu Khánh Đạt	22/10/2008	8		1450
377	79016231	Nguyễn Minh Đạt	07/04/2008	6		
378	79061991	Nguyễn Minh Đạt	21/05/2008	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
379	91016733	Thái Mai Đạt	02/01/2008	7.5		
380	79108222	Trần Phát Đạt	22/06/2008	6		
381	42006131	Trần Tuấn Đạt	26/01/2008	6		
382	79002904	Trương Gia Đạt	29/07/2008	6.5		
383	66022525	Trương Quốc Đạt	17/03/2008	6		
384	79061995	Lưu Khoa Điềm	30/09/2008	6		
385	79011040	Trần Nguyễn Xuân Diên	10/08/2008	8.5		
386	79106267	Khổng Thị Bạch Diệp	25/07/2008	6		
387	01012941	Lưu Thị Ngọc Diệp	04/05/2008	7.5		
388	22010599	Nghiêm Thị Ngọc Diệp	22/07/2008	7.5		
389	79047680	Nguyễn Bảo Ngọc Diệp	23/02/2008	7		
390	38013154	Nguyễn Lê Ngọc Diệp	15/04/2008	6		
391	75025639	Nguyễn Minh Ngọc Diệp	22/10/2008	6		
392	79051487	Trương Ngọc Diệp	23/02/2008	6		
393	79002887	Nguyễn Phương Diệu	06/09/2008	8.5		
394	79015409	Hoàng Đình	27/02/2008	6.5		
395	79105471	Lê Nguyễn Hải Đoan	03/10/2008	6		
396	51006353	Nguyễn Ngọc Khánh Đoan	27/09/2008	6		
397	68000931	Phạm Nguyễn Minh Đoan	16/06/2008	6.5		
398	79049607	Chiêm Ngọc Khả Doanh	14/09/2008	6		
399	79016218	Lạc Âu Gia Doanh	21/02/2008	6		
400	79016236	Bùi Hải Đông	02/08/2008	6.5		
401	52000084	Trần Quang Đông	15/07/2008	6.5		
402	91015165	Nguyễn Ngô Đồng	21/04/2008	7		
403	79011050	Huỳnh Khánh Dư	01/06/2008	7		1500
404	44006845	Bùi Minh Đức	05/03/2008	6		
405	01005290	Cao Minh Đức	14/10/2008	7		
406	01008684	Chu Minh Đức	01/09/2008	7		
407	79000167	Đinh Trần Nguyên Đức	21/08/2008	7		
408	79105474	Đỗ Hoàng Đức	14/11/2008	6.5		
409	48004624	Đoàn Phước Nguyên Đức	26/12/2008	6		
410	79000168	Huỳnh Đồng Minh Đức	21/12/2008	6.5		
411	79112970	Lê Minh Đức	05/09/2008	8		
412	68016418	Lê Phạm Việt Đức	01/09/2008	7		
413	79002909	Ngô Minh Đức	10/02/2008	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
414	79002910	Nguyễn La Minh Đức	05/05/2008	7.5		1470
415	01020494	Nguyễn Minh Đức	07/09/2008	7		
416	01028670	Nguyễn Minh Đức	22/12/2008	8		1440
417	68000939	Nguyễn Vũ Minh Đức	25/09/2008	6		
418	79063066	Phan Minh Đức	14/05/2008	6		
419	79011042	Huỳnh Thị Thùy Dung	03/10/2008	7		
420	79011043	Nguyễn Hoàng Dung	18/07/2008	6.5		
421	86011533	Nguyễn Thị Phương Dung	21/11/2008	6.5		
422	01020463	Nguyễn Thùy Dung	26/03/2008	7.5		
423	52021607	Nguyễn Thùy Dung	01/02/2008	6		
424	79011044	Nguyễn Thùy Dung	29/01/2008	6.5		
425	79057315	Nguyễn Trần Mỹ Dung	24/11/2008	7		
426	79111274	Phạm Bùi Hoàng Dung	09/03/2008	7.5		
427	79060964	Phan Lê Hoàng Dung	16/04/2008	6		
428	79011045	Trần Ánh Dung	11/12/2008	6		
429	79082811	Trần Lê Ánh Dung	05/11/2007	6		
430	48003642	Trần Ngọc Hạnh Dung	29/05/2008	6		
431	66033149	Trần Ngọc Phương Dung	19/10/2008	6.5		
432	79061403	Bùi Lê Tấn Dũng	09/07/2008	6.5		
433	82007504	Đặng Trí Dũng	24/08/2008	6.5		
434	79061975	Đinh Minh Dũng	17/02/2008	7		
435	79011046	Lâm Quang Dũng	02/11/2008	6		
436	38002376	Lê Anh Dũng	13/03/2008	6.5		
437	79105415	Mạch Trí Dũng	18/11/2008	7		
438	79051498	Nguyễn Hoàng Dũng	29/12/2008	6		
439	51006306	Nguyễn Quang Dũng	17/07/2008	7.5		
440	80017336	Nguyễn Trần Minh Dũng	26/03/2008	7		
441	79105418	Nguyễn Trung Dũng	18/09/2008	7.5		
442	66021720	Phạm Nguyễn Quốc Dũng	15/11/2008	7		
443	79105423	Trần Trí Dũng	01/04/2008	7		
444	56008271	Trần Vũ Dũng	08/02/2008	7		
445	42005251	Võ Tá Dũng	01/09/2008	6.5		
446	79010439	Chu Trần Thiệu Dương	01/03/2008	7		
447	79001890	Huỳnh Ngọc Ánh Dương	22/11/2008	6.5		
448	51006324	Lê Mã Anh Dương	24/02/2008	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
449	79105445	Lê Nguyễn Xuân Dương	20/03/2008	6		
450	66006328	Lê Thùy Dương	08/03/2008	6		
451	79011052	Nguyễn Ánh Dương	19/09/2008	8		1340
452	01020473	Nguyễn Anh Tùng Dương	17/10/2008	7.5		
453	79048874	Nguyễn Bá Đăng Dương	03/07/2008	7		
454	01028633	Nguyễn Hoàng Dương	15/02/2008	6.5		
455	66017734	Nguyễn Ngọc Ánh Dương	14/04/2008	7		
456	14004195	Nguyễn Thiên Dương	06/11/2008	7.5		
457	01020477	Nguyễn Thùy Dương	05/03/2008	7.5		1530
458	79010446	Nguyễn Thùy Dương	30/04/2008	7.5		
459	48028468	Phạm Thị Thùy Dương	04/01/2008	6.5		
460	79096499	Võ Lê Hoàng Dương	14/01/2008	6.5		
461	79051500	Bùi Nguyễn Nhật Duy	03/09/2008	7		
462	68032279	Cung Đình Khánh Duy	13/05/2008	7		1410
463	79011048	Đặng Vũ Bào Duy	13/10/2008	7		1400
464	91015906	Huỳnh Anh Duy	01/01/2008	7		
465	79002895	Nguyễn Công Duy	26/05/2008	6		
466	40004255	Nguyễn Đình Duy	04/02/2008	7		
467	80017342	Nguyễn Hoàng Duy	12/09/2008	6		
468	79108208	Nguyễn Khánh Duy	31/07/2008	6		
469	79051504	Nguyễn Võ Khánh Duy	03/01/2008	7		
470	79002896	Phạm Khánh Duy	24/09/2008	7		
471	79006236	Phạm Ngọc Phương Duy	24/08/2008	7		
472	79002897	Phạm Nguyễn Bảo Duy	14/10/2008	7		
473	79061417	Võ Minh Duy	26/10/2005	6.5		
474	79011049	Vũ Đình Anh Duy	23/08/2008	6.5		
475	75006725	Bùi An Duyên	19/10/2008	6		
476	79010438	Lê Huỳnh Kim Duyên	05/09/2008	6		
477	79032604	Lê Thị Hồng Duyên	09/05/2007	7		1430
478	79003425	Nguyễn Châu Kỳ Duyên	18/03/2008	7		
479	79049623	Nguyễn Kim Duyên	16/09/2008	7		
480	79125824	Nguyễn Ngọc Duyên	18/07/2008	6.5		
481	80008456	Nguyễn Trần Mỹ Duyên	01/01/2007	6		
482	79061419	Tôn Nữ Mỹ Duyên	18/10/2007	6.5		
483	79087812	Trần Mỹ Duyên	03/11/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
484	79069632	Trần Ngọc Duyên	19/11/2008	6.5		
485	68024758	Trần Bảo Gia	10/09/2008	6.5		
486	01114922	Đặng Hương Giang	13/12/2007	7		1390
487	40012167	Hồ Thảo An Giang	01/09/2007	6		
488	80015571	Lê Minh Giang	12/09/2008	6.5		
489	79049648	Lê Mỹ Giang	31/01/2008	7		
490	79097993	Lê Quang Vệ Giang	31/01/2008	6.5		
491	79108226	Lư Vũ Lam Giang	08/06/2008	6		
492	66022565	Ngô Phương Giang	20/09/2008	6.5		
493	79002913	Nguyễn Hoàng Giang	30/04/2008	6.5		
494	79097998	Nguyễn Phan Hương Giang	01/10/2008	7		1410
495	79108227	Nguyễn Phước Giang	09/07/2008	6.5		
496	79010466	Nguyễn Song Hương Giang	24/05/2008	6		
497	91015951	Phan Nguyễn Hương Giang	10/03/2008	8		
498	79120381	Trần Hồng Châu Giang	21/02/2008	6.5		
499	79005170	Trần Quỳnh Giang	01/05/2008	8		
500	79011064	Nguyễn Khánh Giao	15/05/2008	6		
501	79015230	Nguyễn Ý Thiên Giao	01/11/2008	6.5		
502	79049650	Bùi Diệu Hà	16/11/2008	6.5		
503	79005174	Đỗ Ngọc Hà	01/01/2008	7		
504	79002915	Đoàn Nguyễn Việt Hà	27/02/2008	8		1530
505	79049651	Dương Nguyễn Thái Hà	28/10/2008	7.5		
506	79126818	Hồ Thái Hà	05/02/2008	7		
507	79006284	Hoàng Ngọc Hà	29/04/2008	6		
508	79011066	Lâm Cao Thanh Hà	18/09/2008	7.5		1500
509	51006371	Lê Đặng Thanh Hà	18/09/2008	6		
510	79087854	Ngô Ngọc Ngân Hà	29/08/2008	6		
511	79020822	Nguyễn Khánh Hà	03/08/2008	7.5		
512	79049653	Nguyễn Khánh Hà	16/12/2008	7		1370
513	66030277	Nguyễn Lê Khánh Hà	31/01/2008	7.5		1590
514	79011067	Nguyễn Ngọc Thanh Hà	03/06/2008	7		1420
515	01022897	Nhữ Anh Hà	18/02/2008	7.5		1460
516	79011068	Phạm Ngân Hà	14/04/2008	8		1520
517	79058777	Phạm Ngọc Hà	05/02/2008	6.5		
518	56008323	Phạm Thái Hà	05/08/2008	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
519	79129853	Phạm Thiện Hoàng Hà	27/10/2008	6.5		
520	79069682	Thái Ngân Hà	03/02/2008	6.5		
521	79032640	Trần Ngọc Khánh Hà	24/06/2007	7		
522	79042692	Trần Thị Khánh Hà	18/01/2008	6		
523	79127370	Võ Thị Bích Hà	04/12/2008	7		
524	48017225	Huỳnh Hồng Hải	24/05/2008	6		
525	68024768	Nguyễn Huỳnh Quốc Hải	14/01/2008	6		
526	79058778	Nguyễn Phước Hải	08/03/2008	7.5		
527	79104635	Vũ Thanh Hải	20/04/2008	6		
528	79005192	Đào Gia Hân	01/06/2008	6.5		
529	79051556	Đỗ Phạm Gia Hân	07/01/2008	6		
530	79029264	Đỗ Trịnh Gia Hân	31/12/2008	6		
531	80004685	Đoàn Nguyễn Gia Hân	05/02/2008	6.5		
532	79033223	Đoàn Phạm Minh Hân	09/07/2008	6		
533	79098033	Hồ Bảo Hân	20/01/2008	6		
534	79005193	Huỳnh Gia Hân	22/09/2008	6.5		
535	80026315	Huỳnh Gia Hân	15/11/2008	6.5		
536	56008335	Huỳnh Khánh Hân	07/02/2008	8		
537	79066399	Huỳnh Nguyễn Gia Hân	14/12/2008	6.5		
538	48008691	Huỳnh Trần Khả Hân	25/01/2008	6.5		
539	79011073	Lâm Khả Hân	25/01/2008	6		
540	79005735	Lê Gia Hân	17/06/2008	6		
541	79098036	Lê Hoàng Ngọc Hân	08/07/2008	7		
542	79062028	Lê Ngọc Hân	15/11/2008	7		
543	01017150	Lê Phương Hân	06/02/2008	7.5		1440
544	79011076	Lương Nguyễn Gia Hân	22/03/2008	8		1530
545	79087880	Lưu Gia Hân	15/02/2008	6		
546	79058784	Mai Ngọc Hân	26/02/2008	7		
547	52021672	Ngô Gia Hân	24/09/2008	6		
548	79062029	Nguyễn Bảo Hân	22/01/2008	6.5		
549	79011078	Nguyễn Châu Ngọc Hân	28/11/2008	6		
550	79047078	Nguyễn Gia Hân	19/06/2008	6.5		
551	79002927	Nguyễn Hồng Bảo Hân	14/07/2008	7		
552	79058785	Nguyễn Khánh Hân	06/11/2008	6.5		
553	79000205	Nguyễn Kiều Bích Hân	28/03/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
554	86011583	Nguyễn Kim Hân	22/12/2008	6		
555	79019574	Nguyễn Lý Bảo Hân	17/03/2008	6		
556	79105513	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	19/01/2008	7		
557	96000145	Nguyễn Ngọc Vy Hân	10/08/2008	7.5		1370
558	79020832	Nguyễn Phương Hân	03/01/2008	7.5		
559	79049664	Nhan Thụy Hân	20/08/2008	7.5		1520
560	79005744	Phạm Ngọc Gia Hân	02/08/2008	6.5		
561	48004672	Phan Nguyễn Mai Hân	05/10/2008	7		1370
562	79050672	Phan Vĩnh Gia Hân	25/06/2008	7		
563	79002930	Trần Đỗ Gia Hân	07/04/2008	7		1380
564	79098046	Trần Nguyễn Gia Hân	20/05/2008	6		
565	79022585	Trần Phạm Gia Hân	01/04/2008	8		
566	79052275	Trịnh Gia Hân	28/09/2008	6.5		
567	79092412	Trịnh Ngọc Hân	06/05/2008	6.5		
568	79125887	Trương Nguyễn Bảo Hân	10/10/2008	7.5		1400
569	79005748	Văn Ngọc Hân	30/11/2008	7.5		
570	79093880	Võ Gia Hân	27/04/2008	6		
571	79033232	Võ Trần Gia Hân	04/02/2007	6.5		
572	79016247	Lương Nguyễn Thanh Hằng	30/10/2008	6.5		
573	79016248	Nguyễn Hoàng Thu Hằng	21/02/2008	6		
574	48004661	Nguyễn Minh Hằng	17/10/2008	6.5		
575	79105502	Nguyễn Minh Hằng	04/12/2008	8		
576	79061460	Nguyễn Thanh Hằng	22/03/2008	6		
577	79125878	Phạm Thị Thu Hằng	01/06/2008	6		
578	79002922	Trương Mỹ Hằng	25/11/2008	6.5		1400
579	82006909	Võ Nguyễn Phước Hằng	24/11/2007	7		
580	79105496	Bùi Nguyễn Minh Hạnh	26/08/2008	8		1550
581	01000933	Hoàng Minh Hạnh	18/11/2008	7.5		
582	56008329	Lê Nguyễn Minh Hạnh	27/09/2008	8		
583	79011070	Lê Nguyễn Minh Hạnh	19/07/2008	7.5		1480
584	79011071	Nguyễn Mai Hạnh	24/03/2008	6.5		
585	79069686	Cao Gia Hào	09/11/2008	6.5		1340
586	79105499	Nguyễn Chấn Hào	16/11/2008	6.5		
587	80004679	Nguyễn Việt Hào	24/05/2008	6		
588	79011072	Phạm Phi Hào	30/12/2008	7		1430

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
589	91015195	Phù Quách Vĩnh Hào	08/05/2008	6		
590	79105500	Phùng Nhật Hào	09/11/2008	6.5		
591	79033219	Trần Hào	18/05/2008	6		
592	79003456	Trần Phúc Tấn Hào	25/03/2008	8		
593	79051551	Trịnh Gia Hào	17/09/2008	7		
594	86015278	Trần Khánh Như Hào	22/04/2008	6		
595	79016258	Bùi Phương Hiền	28/10/2008	6.5		
596	66031631	Đàm Khánh Thục Hiền	04/02/2008	6.5		
597	79105519	Đặng Bá Hiền	14/05/2008	6.5		
598	01017152	Hoàng Thảo Hiền	13/10/2008	6.5		
599	79001930	Nguyễn Cao Minh Hiền	02/02/2008	6		
600	79002933	Nguyễn Thu Hiền	24/01/2008	6		
601	79005749	Phạm Đình Ngọc Hiền	13/03/2008	7.5		
602	79087888	Nguyễn Quang Minh Hiền	14/01/2008	7.5		1460
603	79020834	Phan Thế Minh Hiền	03/03/2008	7		
604	79011082	Nguyễn Phúc Hiệp	02/10/2008	7		1350
605	79011083	Võ Đức Hiệp	14/09/2008	6.5		
606	51004768	Bùi Đức Trung Hiếu	02/02/2008	7		
607	44017070	Hoàng Trung Hiếu	14/07/2008	6.5		
608	91015231	Huỳnh Gia Hiếu	26/11/2008	7		
609	79058798	Lê Bá Hiếu	01/01/2008	7		
610	79011084	Lê Đình Trung Hiếu	26/07/2008	8		
611	42006176	Lê Nguyễn Hiếu	17/11/2008	6		
612	79049670	Lê Trọng Hiếu	26/01/2008	7.5		
613	79047103	Nguyễn Đức Trung Hiếu	23/10/2008	6		
614	01008718	Nguyễn Minh Hiếu	03/12/2008	7		
615	79002935	Nguyễn Thuận Hiếu	05/01/2008	6		
616	91015997	Nguyễn Trần Thanh Hiếu	11/09/2008	6.5		
617	52020349	Nguyễn Văn Hiếu	01/02/2007	6.5		
618	48017261	Phạm Văn Hiếu	20/08/2008	7		
619	46002746	Phan Bá Hiếu	14/10/2008	6.5		
620	01028722	Trần Quang Hiếu	24/01/2008	6		
621	79090046	Võ Minh Hiếu	06/09/2008	7		
622	79002937	Võ Ngọc Hiếu	18/08/2008	6		
623	79010501	Lê Ngọc Xuân Hoa	12/04/2008	7		1360

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
624	79052292	Nguyễn Quý Quỳnh Hoa	27/01/2008	7		
625	79011087	Võ Lê Quỳnh Hoa	14/01/2008	6		
626	75000190	Khổng Thị Mỹ Hoà	06/05/2008	6.5		
627	79058804	Trần Nguyễn Nhân Hòa	05/03/2008	6		
628	79011088	Nguyễn Thanh Hoài	02/02/2008	7.5		1410
629	31005452	Đỗ Đức Huy Hoàng	18/04/2008	6		
630	79047763	Lê Minh Hoàng	23/10/2008	6.5		
631	79005756	Lưu Nguyễn Minh Hoàng	29/02/2008	7		
632	79011090	Mạc Như Hoàng	18/05/2008	8		1560
633	79105535	Ngô Duy Hoàng	09/01/2008	6.5		
634	79000233	Nguyễn Cửu Đăng Hoàng	25/12/2008	6		
635	80018228	Nguyễn Đăng Hoàng	27/01/2008	6.5		
636	68001928	Nguyễn Lê Hoàng	05/10/2008	6		
637	75000201	Nguyễn Lê Hoàng	14/05/2008	7.5		
638	80018229	Nguyễn Lê Huy Hoàng	22/04/2008	6		
639	79011092	Phạm Minh Hoàng	03/03/2008	6		
640	79010507	Phan Thanh Hoàng	29/09/2008	7.5		
641	68024808	Tô Quốc Hoàng	04/01/2007	6.5		
642	79105538	Triệu Lê Hoàng	02/09/2008	6		
643	79011094	Trương Minh Hoàng	18/05/2008	8		1510
644	79061496	Vũ Minh Hoàng	02/10/2008	6		
645	66030324	Huỳnh Lương Kim Hồng	20/01/2008	6		1390
646	79049682	Lê Ánh Xuân Hồng	09/01/2008	7		
647	79002941	Lê Thị Ngọc Hồng	01/12/2008	6		
648	79011095	Nguyễn Phạm Ánh Hồng	13/05/2008	7		
649	79108255	Trần Thị Kim Hồng	08/03/2008	6		
650	48004703	Lê Tự Minh Hùng	03/03/2008	6		
651	79020845	Nguyễn Đại Hùng	01/11/2008	7.5		
652	79062057	Trần Dương Anh Hùng	10/08/2008			1430
653	48004713	Bùi Quang Hưng	25/02/2008	7		1400
654	01013003	Hoàng Gia Hưng	02/06/2008	8		
655	79098121	Hoàng Gia Phúc Hưng	10/08/2008	6.5		
656	79032691	Huỳnh Đức Hưng	09/05/2008	7		
657	79098124	Lê Long Hưng	13/12/2008	6		
658	79020854	Lê Quang Hưng	18/03/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
659	79020855	Lê Thành Hưng	10/01/2008	8		1470
660	86007132	Lê Trung Hưng	28/08/2008	8		
661	52020410	Lý Gia Hưng	02/04/2008	6		
662	79011107	Nguyễn Hoàng Gia Hưng	04/09/2008	6.5		1420
663	91016045	Nguyễn Lâm Gia Hưng	23/11/2008	6.5		
664	01069399	Nguyễn Mạnh Hưng	05/07/2008	7		
665	79069721	Nguyễn Minh Hưng	16/07/2008	6.5		
666	51006459	Nguyễn Phúc Hưng	09/06/2008	7		
667	79059493	Nguyễn Quang Hưng	02/03/2008	7		1350
668	79015279	Nguyễn Trương Gia Hưng	29/10/2008	6		
669	73113052	Nguyễn Việt Hưng	03/02/2008	7		
670	79005768	Nguyễn Vĩnh Hưng	02/09/2008	6.5		
671	79108268	Quách Chấn Hưng	04/08/2008	6.5		
672	79005769	Trần Đức Hưng	22/10/2008	7.5		
673	79062081	Trần Khánh Hưng	19/02/2008	6		
674	79011108	Trương Gia Hưng	30/03/2008	6.5		1350
675	79125966	Vũ Bảo Hưng	15/08/2008	8		
676	68016446	Đinh Quỳnh Hương	14/06/2008	6.5		
677	79020857	Hồ Quỳnh Hương	07/09/2008	6		
678	86011624	Lê Hồ Song Hương	24/01/2008	7		
679	79098130	Lê Ngọc Quỳnh Hương	16/06/2008	6.5		
680	79069724	Lê Quỳnh Hương	17/09/2008	7		1400
681	79011110	Nguyễn Bảo Liên Hương	21/07/2008	7.5		1460
682	68005177	Nguyễn Ngọc Hương	02/08/2008	6.5		
683	79112296	Phạm Thu Hương	23/05/2008	6		
684	79011810	Phan Thu Hương	07/12/2008	7		1370
685	79076032	Phùng Phạm Quỳnh Hương	07/04/2008	7		
686	79108257	Bùi Phạm Nhật Huy	11/01/2008	6		
687	75008450	Đặng Quang Huy	08/09/2008	6		
688	79057492	Đỗ Gia Huy	05/11/2008	6		
689	79002945	Đoàn Nguyễn Gia Huy	10/04/2008	7		
690	79011096	Dương Gia Huy	15/06/2008	8.5		1410
691	48016552	Dương Minh Huy	19/05/2008	7.5		
692	79011097	Hà Gia Huy	10/04/2008	8		1490
693	79116462	Hứa Gia Huy	13/07/2008	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
694	79020848	Huỳnh Nguyễn Gia Huy	30/11/2008	6.5		
695	79000241	Huỳnh Nhật Huy	14/12/2008	6		
696	79105553	Huỳnh Phan Đức Huy	18/02/2008	8		1490
697	46002782	Huỳnh Thế Nhật Huy	25/02/2008	7.5		
698	79002947	Lê Gia Huy	19/12/2008	6		
699	79049689	Lê Hoàng Huy	27/05/2008	6		
700	48004709	Ngô Trần Gia Huy	12/01/2008	6.5		
701	75000217	Nguyễn Anh Huy	14/04/2008	7.5		
702	79000244	Nguyễn Công Huy	29/08/2008	7		
703	79032683	Nguyễn Dương Đăng Huy	03/01/2007	6.5		1390
704	79036249	Nguyễn Gia Huy	10/11/2008	7.5		
705	79002952	Nguyễn Minh Huy	23/09/2008	6		
706	79002953	Nguyễn Ngọc Huy	28/07/2008	7.5		1450
707	52020388	Nguyễn Nhật Huy	25/09/2008	7		
708	79105560	Nguyễn Nhật Huy	17/06/2008	6		
709	79033263	Nguyễn Nhựt Huy	13/12/2008	6.5		
710	79011100	Nguyễn Phú Quang Huy	19/01/2008	6.5		1370
711	79063475	Nguyễn Quốc Huy	07/10/2008	6.5		
712	80004723	Nguyễn Quốc Gia Huy	17/01/2008	7.5		
713	79108264	Nguyễn Trần Quang Huy	03/07/2008	6		
714	79011101	Nguyễn Viết Tuấn Huy	24/12/2008	6.5		
715	79023267	Phạm Gia Huy	18/11/2008	7.5		
716	52020395	Thái Gia Huy	28/06/2008	7		
717	79005764	Trần Bảo Huy	11/09/2008	8		1440
718	48011453	Trần Nguyễn Gia Huy	02/02/2008	6		
719	79105574	Trần Quang Huy	12/10/2008	8		
720	91014587	Trần Quốc Huy	08/01/2008	7		
721	79005765	Trương Hoàng Minh Huy	04/07/2008	6.5		
722	82027848	Võ Khánh Huy	28/04/2008	6		
723	79011105	Vũ Gia Huy	12/04/2008	7		1370
724	79087935	Vũ Gia Huy	25/04/2008	6		
725	79002956	Vũ Nguyễn Quang Huy	18/11/2008	7.5		1430
726	66022675	Vũ Tuấn Huy	29/01/2008	7		
727	19010301	Nguyễn Phạm Khánh Huyền	23/07/2008	7		
728	66032762	Nguyễn Thanh Huyền	15/08/2008	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
729	48017300	Nguyễn Thị Thu Huyền	10/12/2008	7.5		
730	79098596	Tạ Thị Thanh Huyền	10/12/2008	6		
731	79000253	Lưu Như Huỳnh	04/03/2008	6		
732	79059508	Hồ Sỹ Phúc Hy	26/11/2008		100	
733	79105603	Kiều Bảo Hy	08/05/2008	7.5		
734	79062088	Phạm Gia Hy	29/09/2007	6.5		
735	07952349	Ngô Hoàng Kha	09/03/2008	6		
736	79087955	Trương Hoàng Minh Kha	05/06/2008	6.5		
737	91015278	Đinh Gia Khải	19/10/2008	6.5		
738	79002962	Nguyễn Trần Tuấn Khải	15/03/2008	6.5		
739	37023745	Trần Duy Khải	15/01/2008	6		
740	79012855	Trương Hoàng Khải	24/01/2008	6.5		
741	80018285	Võ Bảo Tuấn Khải	01/01/2008	6.5		
742	79048919	Bùi Minh Khang	02/05/2008	7.5		
743	75003072	Đinh Bá Bảo Khang	19/11/2007	6		
744	75042507	Đoàn Tấn Nguyên Khang	04/04/2008	7.5		
745	79087960	Huỳnh Phúc Khang	11/09/2008	6		
746	79002964	Huỳnh Vũ Nam Khang	07/09/2008	8		1340
747	79011115	Lâm Nguyễn Minh Khang	03/11/2008	7.5		1460
748	79105613	Lê Chí Phước Khang	06/01/2008	6.5		1480
749	86012115	Lê Duy Khang	11/02/2008	7.5		
750	79052355	Lê Nguyên Khang	26/02/2008	7		
751	79002965	Lê Nguyễn Phúc Khang	29/11/2008	7		
752	79062098	Lê Trần Bảo Khang	31/07/2008	7		
753	79105617	Lý Hoàng Bảo Khang	10/10/2008	6.5		
754	79020862	Nguyễn Bá Bảo Khang	27/10/2008	7		
755	79052358	Nguyễn Đắc Việt Khang	16/10/2008	7		
756	79062101	Nguyễn Đăng Khang	25/02/2008	6.5		
757	79011118	Nguyễn Đức Khang	08/01/2008	7.5		1440
758	79105622	Nguyễn Duy Khang	22/05/2008	6.5		
759	79059521	Nguyễn Hữu Gia Khang	27/06/2008	7		
760	79011119	Nguyễn Lê Hoàng Khang	10/01/2008	7.5		1450
761	79033281	Nguyễn Lê Minh Khang	25/02/2008	6		
762	79104698	Nguyễn Nguyên Khang	20/11/2008	6		
763	79007809	Nguyễn Phạm Vương Khang	17/11/2008	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
764	66030375	Nguyễn Phúc Khang	07/06/2008	6		
765	79005781	Nguyễn Phúc Khang	16/01/2008	6.5		
766	79108284	Nguyễn Phúc Nguyên Khang	24/02/2008	6		
767	79005782	Nguyễn Quốc Minh Khang	16/01/2008	7		
768	79005783	Nguyễn Tuấn Khang	18/02/2008	7		
769	79052360	Nguyễn Việt Khang	22/07/2008	6		
770	92026853	Nguyễn Vương Đình Khang	08/12/2008	6.5		
771	79033284	Phạm Bảo Khang	22/07/2008	7		
772	52010474	Phan Sĩ Phú Khang	06/01/2008	6		
773	79011124	Trần Vĩnh Khang	03/03/2008	6		
774	79046510	Trần Đỗ Bảo Khang	13/01/2008	7		
775	79037484	Trần Gia Khang	20/08/2008	6.5		
776	79059527	Trần Lê Khang	24/04/2008	7		
777	79059527	Trần Lê Khang	24/04/2008			1470
778	79069731	Trần Minh Khang	17/09/2008	7		
779	79011123	Trần Nguyễn Bảo Khang	19/05/2008	6.5		
780	79108287	Trần Nguyễn Phúc Khang	04/07/2008	7		
781	79076043	Trương Duy Khang	12/11/2008	6		
782	79064975	Trương Gia Khang	13/02/2008	7		
783	79016292	Võ Huỳnh Phúc Khang	11/11/2008	8		1490
784	79062112	Đình Ngọc Đan Khanh	09/01/2007	6		
785	79005273	Hồ Ngọc Mai Khanh	05/04/2008	6.5		
786	82022875	Lê Tuấn Khanh	22/11/2008	6		
787	51004859	Lý Nguyễn Bảo Khanh	22/06/2008	6.5		
788	79019599	Nguyễn Hoàng Đan Khanh	23/07/2008	6		
789	79002972	Nguyễn Hoàng Mai Khanh	11/07/2008	8		1430
790	79011125	Nguyễn Ngọc Phương Khanh	26/07/2008	6.5		1380
791	79002974	Nguyễn Ngọc Uyên Khanh	04/11/2008	7		
792	79060446	Nguyễn Trần Mai Khanh	23/02/2008	6		
793	01127142	Nguyễn Tuệ Khanh	10/12/2008	7		1450
794	79002975	Nguyễn Vũ Trúc Khanh	22/05/2008	6		
795	79130805	Tôn Thất Ngô Khanh	27/10/2008	7		
796	01028801	Trần Lê Khanh	21/11/2008	7		
797	68014200	Trần Nguyễn Yến Khanh	25/09/2008	6.5		
798	79003561	Trương Hồng Khanh	05/08/2008	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
799	79005786	Văn Ngọc Đan Khanh	14/05/2008	7		
800	75006866	Bùi Nguyễn Gia Khánh	11/01/2008	6		
801	56008447	Đỗ Minh An Khánh	01/05/2008	6		
802	48004728	Lê Nam Khánh	16/11/2008	7.5		
803	48011475	Lê Nam Khánh	26/04/2008	6.5		
804	79049730	Lê Trang Minh Khánh	28/02/2008	6.5		
805	79002978	Lý Quốc Khánh	02/09/2008	7.5		
806	79114320	Mai Huỳnh Gia Khánh	03/04/2008	6.5		
807	79062121	Mai Ngân Khánh	15/08/2008	7		1440
808	79062122	Mai Ngọc Khánh	15/08/2008	7		1390
809	75000249	Nguyễn An Khánh	15/03/2008	6.5		1420
810	79105634	Nguyễn Hoàng Khánh	25/05/2008	6.5		
811	66030381	Nguyễn Hoàng Ngọc Khánh	15/07/2008	6		
812	92012013	Nguyễn Hữu Khánh	12/11/2008	7		
813	66030382	Nguyễn Lê Ngọc Khánh	18/05/2008	6.5		
814	68024877	Nguyễn Trần Duy Khánh	23/09/2007	6		
815	79020869	Phạm Ngọc Khánh	05/06/2008	7.5		1400
816	79105637	Phan Nguyễn Kim Khánh	08/01/2008	6.5		
817	79002984	Trần Nguyễn Ngọc Khánh	06/04/2008	6.5		
818	79002986	Trần Nhật Khánh	29/05/2008	7		
819	79023293	Trương Quốc Khánh	01/09/2008	7		
820	48011477	Đặng Chí Khiêm	16/04/2008	7.5		
821	79047811	Đặng Gia Khiêm	29/02/2008	6.5		
822	31018737	Đồng Xuân Khiêm	21/03/2008	7.5		
823	79002988	Mai Gia Khiêm	09/02/2008	8		
824	51015768	Phạm Nguyễn Gia Khiêm	05/07/2008	7		
825	79011129	Trương Anh Khiêm	30/09/2008	6.5		
826	79105643	Bùi Nguyễn Nhật Khoa	17/09/2008	6		
827	96000210	Đặng Tân Khoa	23/06/2008	6.5		
828	79052376	Đỗ Anh Khoa	16/07/2008	7.5		1380
829	79011130	Đoàn Đỗ Minh Khoa	17/06/2008	7		1410
830	79011131	Hồ Đắc Anh Khoa	23/02/2008	7		
831	66022711	Hồ Diên An Khoa	06/06/2008	6.5		
832	79002989	Huỳnh Anh Khoa	26/04/2008	6.5		
833	79011132	Huỳnh Đăng Khoa	18/04/2008	7.5		1480

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
834	82005385	Huỳnh Đăng Khoa	23/06/2008	7		
835	79108294	Huỳnh Tiến Khoa	14/05/2008	7		
836	79105646	Lê Anh Khoa	01/05/2008	6.5		
837	79108295	Lê Hữu Khoa	17/06/2008	6.5		
838	79047816	Ngô Đăng Khoa	03/03/2008	6.5		1420
839	79069735	Nguyễn Anh Khoa	18/10/2008	6.5		
840	91031327	Nguyễn Đỗ Đăng Khoa	02/12/2008	7.5		
841	79000296	Nguyễn Hoàng Khoa	28/10/2008	6		
842	79105652	Nguyễn Minh Khoa	04/08/2008	6.5		1370
843	79059947	Nguyễn Nam Anh Khoa	29/11/2008	7		
844	56007209	Nguyễn Thanh Đăng Khoa	05/10/2008	7		
845	79011133	Phạm Đăng Khoa	11/03/2008	6.5		1450
846	79005794	Phạm Đình Khoa	19/11/2008	7		
847	79083440	Phạm Ngọc Minh Khoa	02/09/2008	6		
848	79036971	Phạm Nguyễn Đăng Khoa	01/07/2006			1370
849	79098171	Phạm Văn Đăng Khoa	01/10/2008	6.5		
850	79061563	Phạm Xuân Khoa	02/11/2008	7		
851	79011134	Tô Đăng Khoa	18/05/2008	7		
852	79087981	Trần Anh Khoa	26/03/2005	6.5		1400
853	51006495	Trần Công Khoa	24/01/2008	6		
854	56008460	Trần Đăng Khoa	12/08/2008	6.5		
855	79108298	Trần Đức Minh Khoa	02/06/2008	7		
856	79011135	Trần Duy Khoa	12/10/2008	8		1460
857	79105659	Võ Nguyên Khoa	01/01/2008	6		
858	79011137	Bạch Hưng Khôi	19/05/2008	7		
859	79020883	Bùi Nguyễn Minh Khôi	30/10/2008	6.5		
860	56008464	Châu Mai Khôi	09/07/2008	7.5		1460
861	22009051	Đặng Minh Khôi	24/01/2008	6.5		
862	79002997	Đặng Nguyễn Minh Khôi	29/11/2008	7.5		
863	79105662	Đinh Minh Khôi	03/07/2008	6.5		
864	52012321	Đỗ Nguyễn Mai Khôi	10/02/2008	6		
865	79049748	Đôn Trường Khôi	13/12/2008	7		
866	96012227	Hồ Đăng Khôi	17/10/2008	6		
867	79005800	Hồ Minh Khôi	27/02/2008	8		
868	79049749	Huỳnh Nguyễn Mai Khôi	16/08/2008	8		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
869	79005285	Lê Đăng Khôi	01/04/2008			1520
870	68001987	Lê Đức Khôi	21/03/2008	6		
871	79005287	Mai Liêu Tuấn Khôi	21/10/2008	6.5		
872	79005801	Nguyễn Chí Khôi	15/12/2008	6.5		
873	79049751	Nguyễn Đăng Khôi	24/06/2008	6.5		
874	79105667	Nguyễn Đình Khôi	19/05/2008	6.5		
875	79005803	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	20/06/2008	6		
876	79052399	Nguyễn Hữu Nguyên Khôi	24/10/2008	6		
877	79052400	Nguyễn Khánh Gia Khôi	06/03/2008	6.5		
878	79105668	Nguyễn Lâm Khôi	28/09/2008	6		
879	79105669	Nguyễn Mai Khôi	04/08/2008	7.5		1490
880	01008758	Nguyễn Minh Khôi	18/03/2008	7.5		
881	79005804	Nguyễn Minh Khôi	27/08/2008	7		1350
882	79011139	Nguyễn Minh Khôi	09/01/2008	7.5		1390
883	79011140	Nguyễn Minh Khôi	22/11/2008	7.5		1470
884	79011141	Nguyễn Minh Khôi	24/06/2008	7.5		
885	79105671	Nguyễn Minh Khôi	18/09/2008	7		
886	80026397	Nguyễn Minh Khôi	13/06/2008	6		1440
887	79016302	Nguyễn Nhật Minh Khôi	22/11/2008	7		
888	01069415	Nguyễn Thế Khôi	01/01/2008	6.5		
889	79020890	Phạm Mai Khôi	09/05/2008	7.5		
890	66030399	Phạm Minh Khôi	25/03/2008	6.5		
891	79005807	Phạm Minh Khôi	12/05/2008	6.5		
892	79052402	Phan Đăng Khôi	05/02/2008	7		
893	79005808	Phan Tuấn Khôi	15/12/2008	6		
894	79049755	Thân Minh Khôi	30/08/2008	6		
895	79054193	Trần Chí Minh Khôi	02/12/2008	6.5		
896	79087990	Trần Đăng Khôi	09/09/2008	7		
897	79105681	Võ Đăng Khôi	02/04/2008	6		
898	01005392	Vũ Minh Khôi	14/04/2008	6		
899	86033185	Đặng Ngọc Như Khuê	17/05/2008	7		
900	79011144	Diệp Anh Khuê	14/10/2008	7.5		1340
901	79000312	Đỗ Hoàng Minh Khuê	17/07/2008	6		
902	79062145	Huỳnh Phạm Sao Khuê	07/05/2008	7		
903	01020773	Khúc Thị Minh Khuê	01/03/2008	7.5		1490

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
904	56008475	Lâm Minh Khuê	18/09/2008	7.5		1430
905	79108302	Lê Đình Thục Khuê	27/09/2008	6.5		
906	79126000	Lê Huỳnh Minh Khuê	12/04/2007	7.5		
907	79062147	Lê Ngọc Kim Khuê	08/02/2008	6.5		
908	79011146	Lương Nguyễn Minh Khuê	09/02/2008	6.5		
909	79105684	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	18/04/2008	7.5		1350
910	79049760	Nguyễn Phạm Minh Khuê	18/09/2008	6.5		
911	79011149	Nguyễn Thị Gia Khuê	27/02/2008	7.5		1520
912	79098189	Tôn Nữ Như Khuê	23/12/2008	7		
913	79139177	Lê Trung Kiên	25/02/2008	6.5		
914	79052413	Lục Trung Kiên	29/01/2008	6		
915	79098194	Mai Trung Kiên	22/10/2008	7		
916	79047834	Nguyễn Hữu Kiên	27/06/2008	7		1340
917	91016104	Nguyễn Trung Kiên	12/03/2008	6		
918	68024905	Nguyễn Văn Chí Kiên	03/10/2008	7.5		
919	01079075	Vũ Trung Kiên	17/04/2008			1420
920	79069741	Đoàn Anh Kiệt	26/04/2008	6		
921	79105689	Huỳnh Anh Kiệt	12/05/2008	6.5		
922	52000793	Mai Tuấn Kiệt	29/12/2008	6		
923	75006897	Ngô Tuấn Kiệt	27/10/2008	7		
924	48011494	Nguyễn Bá Anh Kiệt	13/11/2008	6		
925	79003007	Nguyễn Thế Kiệt	19/05/2008	6.5		1370
926	01020188	Nguyễn Trần Tuấn Kiệt	20/01/2008	7.5		
927	79005814	Nguyễn Vương Tuấn Kiệt	07/01/2008	6.5		
928	79011154	Phạm Anh Kiệt	16/06/2008	7		1430
929	79105696	Trần Đăng Kiệt	28/06/2008	6.5		
930	79011155	Trương Tuấn Kiệt	01/01/2008	7.5		1400
931	79003010	Nguyễn Hoàng Kim	05/06/2008	6.5		
932	79003011	Nguyễn Hoàng Kim	16/06/2008	6.5		
933	79105700	Phạm Ngọc Thiên Kim	05/01/2008	7		
934	79062160	Trần Hoàng Kim	15/07/2007	6		
935	79003012	Trần Ngọc Thiên Kim	15/09/2008	7		
936	79062161	Trần Ngọc Thiên Kim	03/06/2007	6		
937	96012239	Dương Lý Nhã Kỳ	06/12/2008	7.5		
938	79016313	Huỳnh Hiếu Kỳ	28/10/2008	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
939	80020419	Ngô Châu Nhã Kỳ	03/03/2008	6		
940	79101024	Nguyễn Quang Kỳ	30/07/2008	7.5		
941	66030417	Phan Nhã Kỳ	10/02/2008	6.5		
942	79016318	Bùi Cẩm Lạc	25/06/2008	6		
943	79011160	Nguyễn Học Lạc	09/06/2008	6.5		
944	92012046	Bùi Huỳnh Nhã Lam	24/11/2008	7.5		
945	79105710	Đinh Ngọc Hải Lam	28/08/2008	7.5		1390
946	79011161	Đoàn Thị Tổ Lam	23/07/2008	8		1490
947	79015308	Hồ Lê Khiết Lam	20/08/2008	6.5		
948	91016125	Ngô Ngọc Lam	09/08/2008	7		
949	79032759	Nguyễn Phúc Hải Lam	01/05/2007	6		
950	79059573	Phan Hồng Lam	07/05/2008	6.5		
951	79126018	Phan Huỳnh Lam	31/03/2008	7		
952	79068058	Trần Ngọc Lam	05/02/2008	6.5		
953	79023304	Vũ Lê Hồng Lam	30/04/2008	7.5		1360
954	79003017	Bạch Võ Hoàng Lâm	14/04/2008	6.5		
955	79006334	Hồ Quỳnh Lâm	29/04/2008	6.5		
956	79105727	Hoàng Ngọc Tường Lâm	10/01/2008	6.5		1390
957	48011497	Lê Tùng Lâm	29/15/2008	6.5		
958	68022621	Nguyễn Bảo Lâm	04/11/2008	7		
959	75000277	Nguyễn Chấn Lâm	21/06/2008	6		
960	01020809	Nguyễn Thanh Lâm	29/10/2008	7.5		1500
961	79011167	Nguyễn Thùy Lâm	13/07/2008	8.5		1540
962	79003019	Nguyễn Trần Mai Lâm	27/03/2008	7.5		1380
963	79126027	Phạm Tùng Lâm	01/01/2008	6		
964	96000248	Quách Thái Lâm	06/04/2008	7		
965	79098215	Trần Hải Thùy Lâm	16/06/2008	6		
966	79105731	Trần Quốc Lâm	29/08/2008	6.5		
967	86012146	Trương Hoàng Hải Lâm	24/10/2008	6		
968	56010570	Trương Từ Lâm	16/08/2008	6.5		1430
969	48010712	Võ Nguyễn Tuệ Lâm	04/12/2008	7		
970	79020914	Huỳnh Đình Hoàng Lan	16/05/2008	6		
971	91033236	Lâm Ngọc Phương Lan	01/06/2008	6.5		
972	79113092	Lê Hoàng Lan	02/07/2008	7.5		
973	79020915	Ngô Hoàng Lan	03/02/2008	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
974	79105721	Nguyễn Hương Lan	29/03/2008	6		
975	79105725	Trần Ngọc Hoàng Lan	02/06/2008	6		
976	79088012	Võ Yến Lan	08/12/2008	6.5		
977	79016333	Chen Xiao Le	24/08/2008	7		
978	40000452	Văn Thị Ngọc Lê	07/01/2008	7		
979	79016335	Trần Nhã Lệ	28/05/2008	6		
980	75018162	Bùi Hải Liên	17/07/2006	6.5		
981	79062177	Nguyễn Hồng Liên	20/07/2008	8		
982	79016336	Nguyễn Ngọc Kiều Liên	06/10/2008	6.5		
983	79016339	Nguyễn Ngọc Quỳnh Liên	01/08/2008	6.5		
984	79052432	Bùi Vân Linh	10/08/2008	6.5		
985	01020824	Cao Hà Linh	23/09/2008	7		
986	75037046	Cáp Trúc Linh	24/10/2008	6.5		
987	79005828	Chu Bảo Linh	04/11/2008	7		
988	79016341	Cổ Khánh Linh	24/07/2008	6.5		
989	68008658	Dương Hoàng Linh	01/06/2008	6		
990	79052434	Hà Gia Linh	25/05/2008	6		
991	79005830	Hồ Ngọc Gia Linh	03/05/2008	6.5		
992	79069755	Huỳnh Khánh Linh	21/07/2008	7		1370
993	79076067	Huỳnh Ngọc Phương Linh	18/07/2008	7		
994	79065012	Huỳnh Nguyễn Khánh Linh	20/09/2008	7		
995	79054217	Lâm Thị Tuyết Linh	03/05/2008	6		
996	75001149	Lê Mai Ngọc Linh	26/03/2008	6.5		
997	79011174	Lê Trần Tuyết Linh	26/11/2008	8		1430
998	01013033	Long Phượng Linh	17/04/2008	6.5		
999	79105746	Lý Khánh Linh	13/05/2008	6.5		
1000	66030426	Nguyễn Đặng Gia Linh	22/04/2008	6.5		
1001	75000289	Nguyễn Đỗ Khánh Linh	07/02/2008	7.5		
1002	79003026	Nguyễn Gia Ngọc Linh	11/12/2008	7.5		
1003	79130034	Nguyễn Hà Linh	20/07/2008	6		
1004	79054220	Nguyễn Hải Linh	01/09/2008	6		
1005	01017229	Nguyễn Hoàng Linh	13/03/2008	7.5		
1006	01030212	Nguyễn Khánh Linh	02/08/2008	7.5		1520
1007	40004421	Nguyễn Khánh Linh	18/04/2008	6.5		
1008	79052440	Nguyễn Khánh Linh	10/12/2008	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1009	52000201	Nguyễn Kiều Hương Linh	19/01/2008	7		
1010	79005839	Nguyễn Lê Phương Linh	10/04/2008	6.5		
1011	68002017	Nguyễn Ngô Nhật Linh	22/10/2008	6.5		1370
1012	79011177	Nguyễn Ngọc Trúc Linh	23/03/2008	7		
1013	79062186	Nguyễn Phan Khánh Linh	27/09/2008	6.5		
1014	79069228	Nguyễn Phương Linh	03/03/2008	6.5		
1015	79108895	Nguyễn Phương Linh	18/01/2008	6.5		
1016	79003027	Nguyễn Tống Mỹ Linh	29/10/2008	6.5		
1017	48911507	Nguyễn Trần Gia Linh	07/11/2008	8		
1018	01041799	Phạm Hà Linh	22/09/2008	6		
1019	79069762	Phạm Ngọc Linh	03/07/2008	7.5		
1020	66017966	Phạm Như Hà Linh	06/05/2005	8		1450
1021	56018873	Phạm Thảo Linh	05/01/2008	6		
1022	79013368	Phan Ngọc Linh	25/09/2008	6		
1023	79088806	Phùng Việt Linh	13/11/2005	6.5		
1024	79061069	Tăng Mỹ Linh	21/05/2008	7.5		
1025	79047869	Thạch Thị Hà Linh	21/04/2008	6		
1026	48018982	Tống Tuệ Linh	03/07/2008	7.5		
1027	79003030	Trần Diệu Linh	16/08/2008	6.5		
1028	52000205	Trần Hoàng Phương Linh	20/11/2008	6.5		
1029	79059594	Trần Khánh Linh	24/02/2008	7		
1030	79105758	Trần Khánh Linh	30/10/2008	6.5		
1031	79005319	Trần Thái Khánh Linh	28/06/2008	6.5		
1032	31018829	Trần Thảo Linh	11/08/2008	6.5		
1033	79108899	Trần Vũ Phương Linh	13/01/2008	7		
1034	82016891	Trang Mỹ Linh	14/12/2007	7.5		
1035	79011185	Trương Khánh Linh	30/11/2008	7.5		
1036	79062195	Trương Ngọc Khánh Linh	29/03/2008	7		1390
1037	79062196	Trương Nhật Linh	19/10/2008	6.5		
1038	79011188	Võ Nguyễn Phương Linh	14/04/2008	6.5		
1039	56007852	Vũ Phạm Hoàng Linh	23/04/2008	6		
1040	79011200	Huỳnh Nguyễn Hữu Lộc	10/04/2008	7.5		1510
1041	79052469	Lê Phước Lộc	01/01/2008	6		
1042	40039959	Nguyễn Đình Thành Lộc	06/07/2008	6		
1043	79052472	Nguyễn Tiến Lộc	17/04/2008	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1044	79108914	Nguyễn Võ Tiến Lộc	29/10/2008	6		
1045	79052473	Trần Văn Lộc	17/10/2008	7		
1046	82015963	Phạm Trần Đức Lợi	18/03/2008	6		
1047	79016379	Trần Tuấn Lợi	26/11/2008	6.5		
1048	79049801	Đặng Hoàng Long	19/01/2008	7.5		1350
1049	79011191	Hoàng Thành Long	02/03/2008	7		1340
1050	79000350	Lê Hoàng Long	10/02/1998	7.5		
1051	79105761	Lê Hoàng Long	19/09/2008	7		
1052	79108906	Lê Hoàng Long	09/09/2008	7		
1053	79062205	Mai Nguyễn Hoàng Long	27/01/2008	7		
1054	01002027	Ngô Hoàng Long	05/11/2007	7.5		1510
1055	79052460	Ngô Ngọc Long	04/10/2008	6		
1056	48004747	Nguyễn Hoàng Long	26/05/2008	6.5		
1057	79108907	Nguyễn Phúc Bảo Long	15/04/2008	6.5		
1058	79013376	Nguyễn Thành Long	07/11/2008	6.5		
1059	79011194	Nguyễn Trần Bảo Long	09/11/2008	6.5		1390
1060	79005857	Nguyễn Trần Hoàng Long	25/12/2008	6		
1061	79032780	Nguyễn Việt Long	08/07/2007	7.5		
1062	79108909	Nhâm Hoàng Long	05/01/2008	7		
1063	79105766	Phạm Ngọc Hoàng Long	23/08/2008	6		
1064	79041618	Phạm Ngọc Thành Long	23/07/2008	6		
1065	79037027	Phùng Hoàng Long	26/09/2005	7		
1066	44007065	Trần Long	07/04/2008	6.5		
1067	79126067	Trần Bảo Long	09/04/2008	6		
1068	31018846	Trần Đức Long	08/06/2008			1340
1069	79011196	Trần Hữu Nam Long	30/06/2008	7		1480
1070	79011197	Trần Lê Uy Long	30/04/2008	6.5		1380
1071	79000356	Trần Tiến Long	21/07/2008	7		
1072	79006935	Võ Hoàng Long	22/02/2008	6		
1073	79089484	Nguyễn Võ Hoàng Luân	24/01/1998	8		
1074	79003041	Trần Kiến Lương	22/11/2008	7.5		1430
1075	52000221	Trương Phú Lương	11/07/2008	6		
1076	79011205	Trần Quốc Lượng	14/02/2008	8		1530
1077	44007074	Lê Ngọc Ly Ly	17/01/2008	6		
1078	75006940	Lê Uyên Ly	07/03/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1079	79049811	Nguyễn Thảo Ly	05/03/2008	6.5		
1080	79020952	Bùi Thanh Mai	31/07/2008	7.5		
1081	79011207	Đỗ Xuân Mai	03/10/2008	6.5		
1082	79120596	Huỳnh Ngọc Phương Mai	15/07/2008	6.5		
1083	68002032	Lê Thanh Mai	31/01/2008	6.5		
1084	79020956	Lê Xuân Mai	06/03/2008	6		
1085	79011211	Nguyễn Đoàn Lâm Mai	26/05/2008	6.5		
1086	80018376	Nguyễn Hoàng Mai	25/04/2008	7		
1087	79105771	Nguyễn Lê Phương Mai	20/07/2008	6		
1088	79062221	Nguyễn Ngọc Mai	30/01/2007	6.5		
1089	79054255	Nguyễn Ngọc Phương Mai	18/01/2008	6		
1090	66021958	Nguyễn Thị Tuyết Mai	07/04/2008	6		
1091	68013867	Nguyễn Trần Ngọc Mai	22/06/2008	6		
1092	79049039	Phạm Xuân Mai	07/04/2008	6.5		
1093	79076693	Trần Phúc Nhật Mai	30/09/2008	7.5		
1094	79104775	Trần Xuân Mai	28/01/2008	6		
1095	37023831	Vũ Phương Mai	15/05/2008	6		
1096	68016067	Hoàng Gia Mẫn	28/06/2008	7		
1097	79037039	Ngô Gia Mẫn	14/11/2008	6		
1098	79003050	Nguyễn Gia Mẫn	03/08/2008	6		
1099	79052484	Nguyễn Thiên Tuệ Mẫn	29/10/2008	6		
1100	75000323	Phạm Hà Gia Mẫn	08/01/2008	7.5		1360
1101	79052485	Quách Tuệ Mẫn	18/02/2008	7		
1102	79062228	Trương Triệu Mẫn	11/06/2008	6.5		
1103	79049817	INOUE Ái Mi	06/01/2008	7		
1104	79127072	Jung Hye Mi	22/07/2008	8		
1105	79050139	Nguyễn Cao Hà Mi	15/01/2008	7.5		
1106	79011218	Trịnh Ngọc Mi	19/11/2008	7		1440
1107	79047897	Bùi Khưu Nhật Minh	27/07/2008	6.5		
1108	79003051	Đặng Anh Minh	07/12/2008	7.5		
1109	79052489	Đặng Gia Minh	28/09/2008	7.5		
1110	79052491	Đặng Nhật Minh	09/11/2008	7		
1111	80004837	Đặng Quang Minh	10/03/2007	7.5		1420
1112	79088062	Đinh Bình Minh	02/01/2008	6		
1113	79011222	Đỗ Hoàng Minh	18/05/2008	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1114	66022828	Đỗ Ngọc Tuệ Minh	22/11/2008	6		1440
1115	79105777	Đỗ Phúc Minh	13/09/2008	7		
1116	79011643	Hà Kiến Minh	17/01/2008	7.5		1490
1117	79062230	Hà Lê Minh	05/12/2007	6.5		
1118	79059614	Hồ Tuấn Minh	31/10/2008	6.5		1370
1119	79011644	Hoàng Ánh Minh	18/04/2008	7.5		1460
1120	01028872	Hoàng Nhật Minh	19/10/2007	8		1510
1121	79020963	Hoàng Nhật Minh	16/08/2008	6		
1122	79003054	Hoàng Phan Nguyệt Minh	11/09/2008	6.5		
1123	01027328	Hoàng Tuấn Minh	04/11/2008	7		
1124	66030455	Huỳnh Thị Bảo Minh	11/06/2008	6		
1125	79011646	Lê Minh	05/06/2008	8		1370
1126	01017256	Lê Cao Minh	12/11/2008	6.5		
1127	79047898	Lê Ngọc Minh	24/12/2008	7		
1128	79105778	Lê Nguyễn Nhật Minh	15/02/2008	7		
1129	79020965	Lê Nhật Minh	05/10/2008	6.5		
1130	79005870	Lê Trần Quang Minh	23/02/2008	8		
1131	46002956	Lữ Nguyệt Minh	13/10/2008	6.5		
1132	79011648	Lý Huỳnh Chánh Minh	06/09/2008	7		
1133	79011649	Mai Đức Minh	19/10/2008	7		
1134	79105780	Mai Ngọc Minh	09/12/2008	6		
1135	48004757	Mai Thái Minh	03/01/2008	7.5		1490
1136	01020955	Nghiêm Thọ Bảo Minh	17/10/2008	6.5		1400
1137	79105781	Ngô Huy Minh	21/01/2008	7		1470
1138	79050143	Ngô Ngọc Minh	20/12/2008	6.5		
1139	79114413	Ngô Vũ Công Minh	29/02/2008	6		
1140	79088848	Nguyễn Bùi Bình Minh	04/05/2007	6		
1141	79105782	Nguyễn Đức Minh	08/01/2008	8		
1142	01020962	Nguyễn Duy Minh	26/07/2008	8		1520
1143	75000330	Nguyễn Duy Minh	15/07/2008	7.5		
1144	19006293	Nguyễn Gia Minh	25/03/2008	7.5		
1145	79011652	Nguyễn Hoàng Đức Minh	20/10/2008	8		1420
1146	79003056	Nguyễn Hoàng Trí Minh	16/01/2008	8		1500
1147	79050144	Nguyễn Hồng Minh	17/05/2008	6		
1148	82027949	Nguyễn Hữu Minh	21/02/2008	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1149	79036323	Nguyễn Hữu Phúc Minh	19/02/2008	7		
1150	80004843	Nguyễn Khánh Minh	22/04/2008	7.5		
1151	79062235	Nguyễn Lâm Quang Minh	10/05/2008	7		
1152	79105785	Nguyễn Ngọc Ánh Minh	15/04/2008	7.5		
1153	79059621	Nguyễn Ngọc Phương Minh	11/03/2008	7		
1154	31025947	Nguyễn Nhật Minh	03/01/2008	8		
1155	79011654	Nguyễn Nhật Minh	02/06/2008	7.5		1460
1156	79047901	Nguyễn Nhật Minh	16/02/2008	7.5		1350
1157	79069784	Nguyễn Phan Quang Minh	02/09/2008	7		1360
1158	40811535	Nguyễn Phước Bảo Minh	27/12/2008	6		
1159	79105786	Nguyễn Quang Minh	27/10/2008	6.5		
1160	79051693	Nguyễn Sĩ Minh	15/06/2008	6		
1161	01020982	Nguyễn Tiến Minh	19/06/2008	7.5		1430
1162	86029511	Nhan Tuệ Minh	20/02/2008	6.5		1380
1163	79068096	Phạm Ánh Minh	04/11/2008	6.5		
1164	01020986	Phạm Nhật Minh	28/10/2008	7		
1165	79062237	Phan Anh Minh	22/08/2008	7		
1166	79003061	Quản Anh Minh	16/06/2008	6.5		
1167	79105788	Quảng Nguyễn Trọng Minh	28/08/2008	6		
1168	79054268	Thái Nguyên Minh	03/05/2008	6.5		
1169	42005594	Trần Đăng Quang Minh	20/09/2008	6		
1170	79020973	Trần Đức Minh	11/08/2008	7.5		1490
1171	79050151	Trần Nguyễn Gia Minh	12/01/2008	7		
1172	66030463	Trần Nguyên Thái Minh	15/01/2008	7		
1173	79062240	Trần Quang Minh	30/07/2008	7.5		1530
1174	79005878	Trịnh Bình Minh	17/04/2008	8		
1175	79070903	Trương Đào Thái Minh	04/12/2008	6		
1176	75032427	Trương Quang Minh	09/11/2008	6		
1177	79005880	Trương Quang Minh	02/01/2008	6		
1178	79050152	Võ Ánh Minh	01/09/2008	7		
1179	92008140	Võ Nguyễn Diễm Minh	04/03/2008	6.5		
1180	79011660	Võ Nhật Minh	08/01/2008	8		1470
1181	79062242	Võ Quang Minh	27/02/2007	6		
1182	79050153	Vũ Nguyệt Minh	26/12/2008	6		
1183	79100433	Cao Lê Khánh My	12/05/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1184	79060605	Cao Thanh Hà My	14/08/2008	8		
1185	52029150	Đào Trần Hà My	04/10/2008	6		
1186	79000383	Đỗ Đăng Trà My	07/01/2008	6		
1187	79005885	Lâm Diễm My	13/01/2008	6.5		
1188	79113166	Lê Thúy My	26/03/2008	7		
1189	52020567	Lương Vĩnh Quỳnh My	29/04/2008	6.5		
1190	79011666	Lưu Nguyễn Thảo My	01/07/2008	8		
1191	79011667	Lưu Phạm Diễm My	31/01/2008	7		
1192	01013083	Nguyễn Đào Hà My	01/10/2008	7.5		
1193	79098241	Nguyễn Lê Thảo My	19/11/2008	7		
1194	79108936	Nguyễn Ngọc Thúy My	11/08/2008	7		
1195	79108935	Nguyễn Ngọc Thùy My	11/08/2008	7.5		
1196	79062248	Nguyễn Trà My	11/07/2008	6.5		
1197	79108937	Nguyễn Trà My	06/08/2008	6.5		
1198	51005805	Phạm Ngô Hà My	23/07/2008	6		
1199	79108939	Phạm Thái Hà My	11/04/2008	6		
1200	79011672	Phan Trà My	16/01/2008	6		
1201	51006591	Trần Thị Thảo My	16/11/2008	6		
1202	68016492	Trần Trà My	06/08/2008	6		
1203	79088081	Võ Lê Trà My	28/10/2008	6.5		
1204	79011239	Võ Ngọc Quỳnh My	13/05/2008	8		
1205	79003698	Vũ Hà My	04/02/2008	7		
1206	79005891	Lâm Gia Mỹ	05/11/2008	7		
1207	96012302	Ngô Gia Mỹ	27/07/2008	6.5		
1208	79011674	Trần Ngọc Thê Mỹ	25/12/2008	6		
1209	79105804	Lê Ly Na	12/01/2008	8		
1210	52006746	Trần Thảo Na	04/07/2008	6.5		
1211	79130114	Bùi Cao Nam	02/10/2008	6		
1212	48004763	Bùi Đức An Nam	10/09/2008	8		
1213	79050158	Bùi Phương Nam	21/05/2008	6.5		
1214	79054286	Đặng Nhật Nam	06/03/2008	7.5		1340
1215	56007298	Đào Bảo Nam	02/12/2008	6		
1216	79003069	Hồ Nhất Nam	07/02/2008	7.5		1510
1217	01030375	Hoàng Bảo Nam	05/11/2008	6		
1218	79105805	Huỳnh Phương Nam	24/09/2008	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1219	48004765	Lê Bùi Huy Nam	01/02/2008	6		
1220	75000343	Lê Quốc Nam	04/04/2008	7		
1221	79003072	Nguyễn Khánh Nam	08/09/2008	7		
1222	79050161	Nguyễn Lưu Hải Nam	06/12/2008	6.5		
1223	75000345	Nguyễn Xuân Nam	16/01/2008	6.5		
1224	75000347	Phạm Trần Thành Nam	15/09/2008	7		
1225	79003073	Phan Bá Nam	17/12/2008	7		
1226	01021041	Trần Nhật Nam	04/04/2008	8		1530
1227	79105807	Trần Phương Nam	30/07/2008	6		
1228	79000401	Võ Hồ Hoàng Nam	09/02/2008	7		
1229	48017399	Vũ Hoàng Nam	17/02/2008	6.5		
1230	80004861	Hà Lê Bảo Nga	15/01/2008	6		
1231	80004862	Lương Ngọc Nga	11/01/2008	6		
1232	79107268	Lý Tổ Nga	24/10/2007	6		
1233	79126131	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	22/03/2008	8		
1234	80018407	Trần Thị Kim Nga	06/08/2008	6.5		
1235	79126132	Võ Thị Hồng Nga	11/01/2008	6.5		
1236	79005894	Vũ Huỳnh Thiên Nga	18/12/2008	6		
1237	79062258	Bùi Lê Kim Ngân	02/08/2008	6.5		
1238	79005895	Đặng Nguyễn Thanh Ngân	05/10/2008	6		
1239	79052519	Đào Khánh Ngân	21/11/2008	6		
1240	01002128	Đỗ Quỳnh Ngân	24/07/2006	7		
1241	79050166	Hồ Hà Ngân	06/06/2008	8		1520
1242	01124987	Lê Kim Ngân	02/12/2008	7		
1243	79098246	Mã Thị Thảo Ngân	16/12/2008	6		
1244	79059634	Nghiêm Bá Thùy Ngân	25/03/2008	7		
1245	79032826	Nguyễn Hoàng Bích Ngân	02/02/2000	6.5		1390
1246	79100478	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	22/02/2008	6.5		
1247	79011682	Nguyễn Khánh Ngân	22/06/2008	7.5		
1248	79050174	Nguyễn Ngọc Hà Ngân	01/11/2008	7		
1249	52016671	Nguyễn Thị Thúy Ngân	02/02/2008	6.5		
1250	75001272	Phạm Thanh Ngân	21/10/2008	7		
1251	79052527	Thái Thanh Ngân	07/10/2008	6		
1252	79032830	Trần Hồng Ngân	20/12/2006	6		
1253	79060036	Trần Lê Bảo Ngân	15/11/2008	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1254	48004772	Trần Nguyễn Thảo Ngân	29/09/2008	7.5		
1255	79011686	Trần Thị Phương Ngân	06/04/2008	6.5		
1256	79033392	Trịnh Mỹ Ngân	28/01/2008	6		
1257	52000250	Võ Hoàng Ngân	09/04/2008	7.5		
1258	79005377	Võ Thu Ngân	15/01/2008	6		
1259	79130904	Nguyễn Trọng Ngạn	30/09/2008	7		
1260	92022191	Cao Phan Xuân Nghi	06/10/2008	6		
1261	79003086	Cù Thoại Nghi	17/05/2008	7		1340
1262	79016473	Đặng Gia Nghi	28/02/2008	7.5		
1263	79005902	Đặng Ngọc Phương Nghi	21/03/2008	7.5		
1264	79062266	Dương Bảo Nghi	29/07/2008	6		
1265	79050179	Hoàng Bảo Nghi	02/10/2008	6.5		
1266	79069807	Hoàng Ngọc Phương Nghi	11/01/2008	7.5		
1267	75000365	Huỳnh Đỗ Đông Nghi	15/03/2008	7		
1268	79053804	Huỳnh Gia Nghi	07/10/2008	7		
1269	79011687	Huỳnh Nguyễn Xuân Nghi	09/06/2008	6.5		
1270	79005904	Lê Khắc Phương Nghi	25/01/2008	6		
1271	79016478	Lê Nguyễn Phương Nghi	03/04/2008	6.5		
1272	80018419	Nguyễn Đào Bảo Nghi	21/03/2008	8		
1273	79047316	Nguyễn Hoàng Phương Nghi	06/12/2008	6		
1274	79011693	Nguyễn Phương Bảo Nghi	04/06/2008	8		1450
1275	79052533	Nguyễn Trần Bảo Nghi	15/11/2008	6		
1276	79052534	Phạm Điền Nguyệt Nghi	13/12/2008	6		
1277	79003088	Phạm Lộ Bảo Nghi	18/10/2008	6.5		
1278	80003608	Phạm Ngọc Tú Nghi	19/12/2008	6		
1279	79005912	Phạm Quỳnh Phương Nghi	30/07/2008	6.5		
1280	79050182	Phan Minh Nghi	01/01/2008	6.5		
1281	75000371	Quách Minh Nghi	05/01/2008	7		1340
1282	79005913	Quý Hoàng Phương Nghi	22/06/2008	7		
1283	79050184	Thái Đoàn Phương Nghi	28/04/2008	7		
1284	91016994	Thái Hoàng Chiêu Nghi	04/12/2008	6.5		
1285	79011695	Tổng Phạm Phương Nghi	05/11/2008	6		
1286	79108967	Trần Hồ Mẫn Nghi	07/09/2008	7		
1287	48000631	Trần Mẫn Nghi	14/09/2008	6		
1288	79058941	Trần Ngọc Bảo Nghi	05/01/2008	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1289	91016995	Trần Ngọc Phúc Nghi	20/03/2008	7		
1290	79011702	Võ Ngọc Minh Nghi	04/10/2008	7.5		1440
1291	79105827	Lê Huỳnh Trung Nghĩa	12/01/2008	8		
1292	75043283	Lê Trung Nghĩa	10/06/2008	6		
1293	40003836	Nguyễn Chí Nghĩa	26/09/2008	7.5		1440
1294	56012490	Nguyễn Duy Nghĩa	06/06/2008	6.5		
1295	52004585	Nguyễn Hoàng Nghĩa	20/10/2008	6		
1296	79054304	Nguyễn Trung Nghĩa	07/10/2008	6		
1297	01021070	Đàm Minh Ngọc	10/03/2008	8		1460
1298	75007663	Đào Bảo Ngọc	14/07/2008	6		
1299	52000252	Đinh Bảo Ngọc	30/10/2008	6		
1300	37000434	Đỗ Bảo Ngọc	06/12/2008	6		
1301	79049851	Dương Mỹ Ngọc	10/10/2008	7.5		
1302	79105832	Hồ Dương Minh Ngọc	22/11/2008	6.5		
1303	75021623	Hồ Lê Khánh Ngọc	29/08/2008	6		
1304	86011706	Huỳnh Bảo Ngọc	07/04/2008	6.5		
1305	79011706	Huỳnh Như Bảo Ngọc	11/10/2008	6		
1306	91016231	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	30/03/2008	7.5		
1307	79032168	Lê Thị Hồng Ngọc	13/09/2008	7.5		
1308	79012350	Lê Thụy Bảo Ngọc	04/10/2008	6.5		
1309	79003092	Lê Trương Hoàng Ngọc	18/09/2008	6		
1310	79062275	Lìn Kim Ngọc	19/09/2007	6.5		
1311	56018904	Lương Trần Bảo Ngọc	04/07/2008	6		
1312	01021079	Mai Bảo Ngọc	18/08/2008	8		1510
1313	79098255	Mai Bảo Ngọc	16/12/2008	6.5		
1314	48011568	Ngô Hà Bảo Ngọc	23/12/2008	6		
1315	79011262	Nguy Phan Khánh Ngọc	08/07/2008	8		1420
1316	79105834	Nguyễn Bảo Ngọc	11/12/2008	6.5		1350
1317	79021009	Nguyễn Đỗ Minh Ngọc	18/02/2008	8		1560
1318	79105836	Nguyễn Hoàng Ngọc	04/08/2008	6		
1319	79016499	Nguyễn Hồng Ngọc	03/12/2008	7.5		
1320	79018243	Nguyễn Huỳnh Thiên Ngọc	12/01/2008	6.5		
1321	75001298	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	27/11/2008	6.5		
1322	79052544	Nguyễn Lê Minh Ngọc	16/05/2008	6		
1323	79105838	Nguyễn Lê Minh Ngọc	29/08/2008	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1324	66022898	Nguyễn Ngô Như Ngọc	08/05/2008	7.5		
1325	79059643	Nguyễn Thị Minh Ngọc	29/11/2008	6.5		
1326	91033858	Nguyễn Thị Thảo Ngọc	05/09/2008	6.5		
1327	79010654	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	16/01/2008	6.5		
1328	79105841	Nguyễn Trịnh Hải Ngọc	01/03/2008	6.5		
1329	01036553	Nguyễn Vũ Minh Ngọc	05/08/2008	6		
1330	92001402	Ông Bảo Ngọc	22/11/2008	6		
1331	79061684	Phạm Bảo Ngọc	27/03/2008	6.5		
1332	79127118	Phạm Hồng Ngọc	19/10/2008	6		
1333	75051039	Phạm Khánh Ngọc	20/04/2008	6		
1334	86005749	Phan Hoàng Bảo Ngọc	08/03/2006	6		
1335	79050192	Thái Minh Ngọc	05/08/2008	6		
1336	79011717	Thân Hoàng Khánh Ngọc	04/01/2008	6.5		
1337	52020617	Tổng Bảo Ngọc	11/05/2008	6.5		
1338	79015342	Trần Khánh Ngọc	16/10/2008	7.5		
1339	92022215	Trần Minh Ngọc	18/05/2008	6		
1340	56007336	Trần Nhật Bảo Ngọc	15/11/2008	6		
1341	79108980	Trần Viên Lam Ngọc	03/03/2008	6		
1342	91016239	Trần Vũ Uyên Ngọc	22/02/2008	7.5		
1343	79016871	Trịnh Gia Ngọc	13/08/2008	7		1390
1344	79033418	Trương Hồng Ngọc	15/02/2008	7.5		
1345	79105843	Vũ Nguyễn Khánh Ngọc	17/05/2008	7.5		
1346	56009283	Vũ Trần Hoàng Bảo Ngọc	19/01/2008	6.5		
1347	79011721	Vương Khánh Ngọc	21/02/2008	7.5		1400
1348	79059644	Vương Nguyễn Bảo Ngọc	19/11/2008	6		
1349	68000399	Bùi Phúc Thuận Nguyên	11/02/2007	7		1500
1350	91015470	Bùi Thảo Nguyên	10/01/2008	6		
1351	80003641	Dương Minh Tường Nguyên	22/09/2008	6.5		
1352	79011724	Hà Vũ Cao Nguyên	22/04/2008	7		1410
1353	82027997	Hoàng Nguyên	23/09/2008	7		
1354	79037099	Huỳnh Khôi Nguyên	18/08/2007	7		
1355	79108983	Huỳnh Nguyễn Khôi Nguyên	26/06/2008	6		
1356	79088132	Huỳnh Thị Hạnh Nguyên	09/05/2008	6.5		
1357	48024884	Huỳnh Thị Thảo Nguyên	16/05/2008	6		
1358	79088133	Huỳnh Trần Phúc Nguyên	10/10/2007	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1359	52000263	Khúc Thừa Nguyên	12/05/2008	6		
1360	79022872	Lê Chí Nguyên	01/06/2008	6.5		
1361	79033421	Lê Đình Nguyên	12/04/2008	6		
1362	79105845	Lê Hạnh Nguyên	11/06/2008	7		1420
1363	79052550	Lê Hoàng Khánh Nguyên	03/01/2008	6		
1364	01027430	Lê Phạm Phương Nguyên	24/04/2008	7		
1365	79005938	Lư Hoàng Phúc Nguyên	15/03/2008	6.5		1460
1366	51005069	Nguyễn Anh Nguyên	29/06/2008	6.5		
1367	79011727	Nguyễn Bảo Nguyên	01/09/2008	7		
1368	91015475	Nguyễn Đỗ Thảo Nguyên	08/01/2007	6		
1369	79011729	Nguyễn Giang Khôi Nguyên	28/06/2008	8		
1370	91016245	Nguyễn Hồng Lam Nguyên	26/03/2008	6		
1371	48011587	Nguyễn Lý Thảo Nguyên	14/10/2008	7.5		
1372	79050199	Nguyễn Minh Nguyên	15/06/2008	6		
1373	79016878	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	04/09/2008	6.5		
1374	79108986	Nguyễn Phước Nguyên	01/03/2008	7.5		
1375	79088134	Nguyễn Quang Nguyên	08/03/2008	7		
1376	79011730	Nguyễn Tấn Khôi Nguyên	26/02/2008	7.5		1480
1377	79052551	Nguyễn Thanh Nguyên	22/04/2008	7		
1378	75000394	Nguyễn Thị Bảo Nguyên	27/04/2008	6		
1379	79005939	Nguyễn Thùy Thảo Nguyên	03/11/2008	7		1430
1380	79105847	Nguyễn Trà Phúc Nguyên	15/01/2008	7		
1381	48011590	Nguyễn Trần Thảo Nguyên	24/07/2008	6		
1382	79049162	Nguyễn Võ Thảo Nguyên	27/11/2008	7.5		
1383	79093475	Phạm Đình Khôi Nguyên	14/10/2008	7		
1384	48016852	Phạm Khôi Nguyên	23/03/2008	6		
1385	48017746	Phan Phương Nguyên	13/01/2008	7		
1386	48017747	Phan Thị Thảo Nguyên	04/07/2008	6		
1387	79021024	Thiều Khôi Nguyên	10/01/2008	8		1430
1388	79011732	Trần An Nguyên	22/05/2008	7.5		1520
1389	48011595	Trần Đình Thảo Nguyên	19/11/2008	6.5		
1390	68025032	Trần Hạnh Nguyên	29/06/2008	7		
1391	79105849	Trần Hạnh Nguyên	14/08/2008	7		
1392	31026023	Trịnh Khôi Nguyên	07/07/2008	7		
1393	79126173	Trịnh Khởi Nguyên	20/10/2008	7		1500

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1394	75001315	Trương Phạm Phương Nguyên	06/08/2008	6		
1395	01028922	Uông Khôi Nguyên	14/07/2007	6.5		
1396	79062285	Võ Hạnh Nguyên	30/04/2008	6		
1397	40010779	Vũ Thị Hạnh Nguyên	27/03/2008	6.5		
1398	79011734	Đỗ Nguyễn	29/02/2008	7.5		1500
1399	68002089	Nguyễn Gia Nguyễn	31/01/2008	7		
1400	79105851	Nguyễn Lê Nguyễn	22/11/2008	6		
1401	79126174	Nguyễn Giang Lâm Nguyệt	04/02/2008	7.5		
1402	79011736	Huỳnh Phương Nhã	24/05/2008	7		
1403	48011600	Nguyễn Thị Uyên Nhã	05/04/2008	6		
1404	79033426	Nguyễn Trần Thanh Nhã	06/11/2008	8		1380
1405	51011715	Phan Phong Nhã	13/07/2008	6.5		
1406	79005945	Trang Huệ Nhã	08/01/2008	7		
1407	79011738	Đặng Thanh Nhân	08/03/2008	6.5		
1408	56007352	Hà Thiện Nhân	04/10/2008	6.5		
1409	79016882	Hoàng Quý Thiện Nhân	30/09/2008	6.5		
1410	79000458	Lê Nguyễn Trọng Nhân	01/05/2008	7		
1411	52001760	Nguyễn Ái Nhân	12/07/2008	6		
1412	79011739	Nguyễn Chí Nhân	29/03/2008	6		1370
1413	79011740	Nguyễn Đặng Thành Nhân	29/03/2008	8		1410
1414	79016883	Nguyễn Lâm Thiện Nhân	08/04/2008	6.5		
1415	79054322	Nguyễn Thanh Nhân	20/07/2008	6		
1416	79105858	Nguyễn Thiện Nhân	31/01/2008	7		
1417	82030340	Nguyễn Thiện Nhân	19/11/2008	7		
1418	79021033	Nguyễn Trí Nhân	09/11/2008	6.5		
1419	40004525	Nguyễn Trọng Nhân	13/12/2008	6		
1420	79105859	Phạm Như Chí Nhân	16/04/2008	6.5		
1421	92012180	Trần Nguyễn Quang Nhân	08/10/2008	6.5		
1422	52020654	Vi Văn Nhân	07/10/2008	6		
1423	79050205	Võ Thành Nhân	07/12/2008	6		
1424	79105860	Nguyễn Phước Nhân	05/03/2008	7.5		
1425	79130956	Trần Ngọc Nhất	28/04/2008	6		
1426	79052558	Đặng Minh Nhật	07/01/2008	6.5		
1427	48011608	Đoàn Minh Nhật	03/01/2008	6.5		
1428	79032226	Lê Minh Nhật	06/03/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1429	40004530	Trần Quang Nhật	17/05/2008	6.5		
1430	79011745	Võ Hoàng Minh Nhật	21/09/2008	8		1420
1431	79109009	Cao Xuân Nhi	23/03/2008	6		
1432	79050797	Đinh Uyên Nhi	10/12/2008	7		
1433	79003104	Hoàng Ý Nhi	06/01/2008	7.5		1380
1434	79050206	Hoàng Yến Nhi	14/06/2008	6		
1435	91031514	Huỳnh Cao Xuân Nhi	28/07/2008	6		
1436	79011749	Huỳnh Hạnh Nhi	20/05/2008	6.5		
1437	51001040	Huỳnh Lệ Hà Nhi	27/12/2008	6		
1438	79047967	Huỳnh Ngọc Uyển Nhi	20/01/2008	6		
1439	79021041	Huỳnh Nguyễn Phương Nhi	05/05/2008			1460
1440	79003106	Lâm Khánh Nhi	21/09/2008	6		
1441	79005954	Lâm Nguyễn Xuân Nhi	13/04/2008	6		
1442	79105866	Lâm Tuệ Nhi	12/07/2008	7		
1443	66030528	Lê Bình Yến Nhi	04/07/2008	7		1400
1444	79003107	Lê Hoàng Băng Nhi	01/01/2008	7		
1445	79047968	Lê Mai Khánh Nhi	05/12/2008	6.5		
1446	79062719	Lưu Yến Nhi	06/12/2007	6		
1447	79040141	Lý Tâm Nhi	03/12/2008	6.5		
1448	79050208	Nguyễn Bảo Nhi	25/10/2008	6		
1449	79098274	Nguyễn Đặng Thư Nhi	11/09/2008	6.5		
1450	56018417	Nguyễn Hoàng Gia Nhi	13/05/2008	6		
1451	68002108	Nguyễn Hoàng Xuân Nhi	10/05/2008	6.5		
1452	79016889	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	14/02/2008	6		
1453	79105873	Nguyễn Ngô Gia Nhi	03/05/2008	6		
1454	79005959	Nguyễn Ngọc Ánh Nhi	28/04/2008	7.5		
1455	79007415	Nguyễn Phương Nhi	08/06/2008	7		
1456	56007362	Nguyễn Thảo Nhi	01/07/2008	7		
1457	40003885	Nguyễn Thị Phương Nhi	26/02/2008	7.5		1530
1458	79105875	Nguyễn Thị Xuân Nhi	15/03/2008	6		
1459	68002109	Nguyễn Trần Yến Nhi	16/08/2008	6.5		
1460	56005246	Phạm Khuê Nhi	06/02/2008	6		
1461	79005968	Phan Minh Mỹ Nhi	12/12/2008	6		
1462	79093497	Quách Bảo Nhi	05/04/2008	7		
1463	79003112	Thái Tường Nhi	02/10/2008	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1464	79011754	Trần Hồ Phương Nhi	08/03/2008	6		
1465	79016893	Trần Lê Khải Nhi	11/04/2008	6		
1466	52020673	Trần Nguyễn Xuân Nhi	14/12/2008	7.5		1450
1467	79089586	Trần Thị Thảo Nhi	16/04/2008	7		
1468	79052567	Trịnh Tâm Nhi	05/02/2008	6		
1469	44020192	Văn Gia Bảo Nhi	16/09/2008	7		
1470	79003114	Văn Võ Phương Nhi	09/12/2008	7.5		1450
1471	91016277	Võ Huỳnh Phương Nhi	20/07/2008			1510
1472	79059658	Võ Ngọc Yến Nhi	13/09/2008	6		
1473	79050220	Võ Song Nhi	26/02/2008	7.5		
1474	75007048	Võ Uyên Nhi	21/04/2008	6.5		
1475	79005971	Vũ Tuệ Nhi	20/01/2008	7.5		
1476	79011757	Lê Nguyễn Hồng Nhiên	06/06/2008	7.5		1360
1477	79105879	Nguyễn An Nhiên	12/02/2008	7.5		
1478	79059659	Nguyễn Lê Thảo Nhiên	04/07/2008	7.5		
1479	79011758	Nguyễn Thị An Nhiên	10/11/2008	6		
1480	79011281	Nguyễn Vũ Hoàn Nhiên	13/07/2008	7.5		
1481	79011759	Võ Hà An Nhiên	23/11/2008	8		1530
1482	82028022	Bùi Hiếu Như	26/04/2008	6		
1483	79033446	Đặng Ngọc Như	30/11/2008	6		
1484	79088177	Đinh Quỳnh Như	17/04/2008	6.5		
1485	79032251	Dương Anh Như	16/03/2007	8		
1486	79052570	Hà Phạm Hương Như	02/10/2008	7		
1487	79011285	Hồ Bảo Như	15/03/2008	6.5		
1488	79011761	Huỳnh Phan Yến Như	26/06/2008	6		
1489	79011762	Khuru Khánh Như	19/01/2008	7		
1490	79063727	Lâm Tuyết Như	29/10/2007	6.5		
1491	79011765	Lê Sử Tổ Như	25/11/2008	7		1410
1492	01021098	Mai Viên Như	01/10/2008	7.5		
1493	66030544	Nguyễn Đào Khánh Như	25/01/2008	6		
1494	79037139	Nguyễn Hồ Quỳnh Như	21/07/2007			1380
1495	79095619	Nguyễn Ngọc Như	15/12/2008	6		
1496	48011631	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	04/01/2008	6		
1497	48024920	Nguyễn Phạm Quỳnh Như	01/01/2008	7		
1498	82032203	Nguyễn Quỳnh Như	08/04/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1499	79062729	Nguyễn Thị Quỳnh Như	20/01/2006	7.5		
1500	79109034	Nguyễn Trần Quỳnh Như	15/06/2008	6		
1501	79016898	Nguyễn Trần Tâm Như	24/08/2008	6.5		
1502	82028027	Nguyễn Võ Chân Như	17/11/2008	7.5		
1503	79069857	Phạm Bảo Quỳnh Như	20/04/2008	6		
1504	92012199	Phạm Quỳnh Như	03/12/2008	6		
1505	75000449	Trần Khánh Như	16/01/2008	7		1390
1506	79011769	Trần Tâm Như	30/01/2008	7.5		1440
1507	82016088	Trần Thiện Như	05/08/2008	6.5		
1508	79113303	Trần Tổ Như	25/01/2008	7		1370
1509	79016901	Triệu Mẫn Như	13/07/2008	6		
1510	79011292	Võ Tổ Như	07/11/2008	6.5		
1511	75007049	Dương Thị Cẩm Nhung	29/11/2008	6		
1512	79032884	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	07/04/2007	6		
1513	52000954	Nguyễn Thị Quỳnh Nhung	10/07/2008	6.5		
1514	79069865	Lý Thái Ni	04/08/2008	7.5		1350
1515	79005976	Đỗ Hoàng Xuân Ninh	11/01/2008	6.5		
1516	79111771	Dương Thị Khánh Ninh	23/07/2008	8		
1517	82028034	Đoàn Kim Oanh	20/12/2007	6		
1518	79003781	Nguyễn Kiều Oanh	31/10/2008	6.5		
1519	38028550	Mai Hoàng Phan	17/02/2008	7		
1520	79005979	Lâm Chân Phát	12/11/2008	7		
1521	79105890	Ngô Lê Tiến Phát	27/06/2008	6		
1522	79050236	Nguyễn Cao Phát	18/03/2008	7		
1523	79101095	Nguyễn Hồng Phát	01/01/2008	6		
1524	79054343	Nguyễn Ngọc Gia Phát	16/10/2008	7.5		1340
1525	79005980	Nguyễn Thanh Phát	29/05/2008	6.5		
1526	86015554	Phan Hòa Phát	27/03/2008	7		
1527	79105891	Trần Tấn Phát	01/10/2008	6		
1528	79069867	Trần Tiến Phát	03/01/2008	7.5		1450
1529	92022259	Huỳnh Đình Phi	07/11/2008	6.5		
1530	79032913	Chí An Phong	23/10/2006	6		
1531	79008357	Đình Thanh Phong	14/02/2008	6		
1532	79117977	Hoàng Huy Phong	14/07/2008	7.5		
1533	79010688	Nguyễn Lê Nhất Phong	28/06/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1534	79052582	Nguyễn Thanh Phong	09/04/2008	6		
1535	79001050	Trần Nguyễn An Phong	24/01/2006	7.5		
1536	01030520	Vũ Đại Phong	20/07/2008	6.5		
1537	79005983	Đào Thiên Phú	13/10/2008	6.5		
1538	79105893	Đỗ Quốc Phú	21/11/2008	7.5		1370
1539	52000308	Hồ Minh Phú	29/05/2008	7.5		
1540	79000514	Lâm Gia Phú	16/01/2008	7.5		
1541	92027011	Lâm Nguyễn Phú	31/03/2008	7.5		
1542	79083674	Lường Hữu Phú	19/08/2008	6		
1543	79000516	Nguyễn Ngọc Thiên Phú	31/12/2008	7		
1544	68025094	Nguyễn Phan Thiên Phú	01/05/2008	6		
1545	86020942	Nguyễn Thiện Phú	26/07/2008	7		
1546	79050244	Phạm Thành Phú	11/05/2008	6.5		1370
1547	48004814	Phan Hữu Phú	07/08/2008	6.5		
1548	01022216	Trần Đình Phú	17/01/2008	8		
1549	92012217	Trần Gia Phú	16/09/2008	6.5		
1550	79011780	Đặng Vương Phúc	17/10/2008	6		
1551	52000313	Đỗ Duy Thiên Phúc	27/01/2008	6.5		
1552	79059676	Hà Nhan Thiên Phúc	12/03/2008	6		
1553	79033477	Huỳnh Thiên Phúc	13/11/2008	7		
1554	79105897	Huỳnh Trịnh Vĩnh Phúc	16/08/2008	7.5		
1555	79011786	Lê Tấn Minh Phúc	21/08/2008	7.5		1430
1556	79105898	Lê Văn Tiến Phúc	31/10/2008	7		
1557	48007193	Nguyễn Công Phúc	13/04/2008	7		
1558	79105899	Nguyễn Hồng Phúc	05/06/2008	7.5		1410
1559	79059681	Nguyễn Lê Gia Phúc	06/07/2008	6		
1560	80028029	Nguyễn Lê Tâm Phúc	25/11/2008	6		
1561	44007246	Nguyễn Minh Phúc	07/09/2008	7		
1562	79109061	Nguyễn Minh Phúc	21/10/2008			1380
1563	92012225	Nguyễn Như Phúc	24/05/2008	7		
1564	66030576	Nguyễn Thiên Phúc	19/10/2008	7.5		
1565	79062309	Nguyễn Thiên Phúc	14/05/2008	7.5		
1566	79105902	Nguyễn Thiện Phúc	25/06/2008	6.5		
1567	79051829	Nguyễn Thy Phúc	28/08/2008	6		
1568	79029392	Nguyễn Trần Hoàng Phúc	18/07/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1569	79050252	Nguyễn Trần Hồng Phúc	12/02/2008	7.5		
1570	52020720	Phạm Hoàng Phúc	01/10/2008	6		
1571	48011650	Phạm Hồng Phúc	27/11/2008	7		
1572	79062310	Phạm Hồng Phúc	30/08/2008	6		
1573	79021086	Phan Hoàng Phúc	07/11/2008	6		
1574	79088209	Trần Bảo Phúc	30/08/2008	6		
1575	79011792	Trần Đăng Phúc	01/10/2008	8		1470
1576	79011793	Trần Ngô Minh Phúc	22/03/2008	7.5		1430
1577	79105904	Trần Ngọc Thủy Phúc	02/04/2008	7		
1578	79062312	Trần Nguyên Phúc	10/06/2008	7.5		1500
1579	79062311	Trần Nguyễn Minh Phúc	02/04/2008	7.5		
1580	79032935	Trình Quang Phúc	20/12/2007	6		
1581	79083682	Trương Bảo Phúc	20/02/2008	6		
1582	79022966	Trương Thịnh Vĩnh Phúc	25/04/2008	6.5		
1583	79005988	Viên Bảo Phúc	16/11/2008	7		
1584	79005989	Võ Gia Phúc	19/09/2008	6		
1585	79088212	Võ Trọng Phúc	09/05/2008	6		
1586	79005990	Vũ Trần Trọng Phúc	20/02/2008	7.5		1400
1587	48027003	Lê Ngọc Kim Phụng	23/07/2008	6.5		
1588	79013523	Lê Vân Phụng	16/04/2008	6.5		
1589	79089615	Nguyễn Trịnh Mỹ Phụng	14/03/2008	6.5		
1590	66030581	Đặng Nguyễn Hữu Phước	26/12/2008	6		
1591	79016948	Hồ Thiên Phước	07/02/2008	6.5		
1592	56009360	Lê Cao Trọng Phước	25/03/2008	6		
1593	79050259	Nguyễn Xuân Nhật Phước	02/01/2008	6.5		
1594	48011651	Phạm Trần Anh Phước	07/04/2008	6.5		
1595	01030532	Bùi Lan Phương	14/10/2008	7.5		1510
1596	79003128	Đàm Nguyễn Hải Phương	16/04/2008	7		
1597	79060131	Đặng Hoàng Nam Phương	11/02/2008	6		
1598	75051064	Đặng Thị Minh Phương	03/02/2008	7.5		
1599	52000320	Đinh Hoàng Mai Phương	11/05/2008	7		
1600	79066695	Đinh Nguyễn Nhật Phương	27/02/2008	6		
1601	96000412	Đỗ Nam Phương	07/12/2007	6.5		
1602	79011799	Đỗ Tứ Phương	21/09/2008	6.5		
1603	79105907	Lê Hoàng Phương	17/05/2008	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1604	79011801	Lê Mỹ Thanh Phương	06/05/2008	6.5		
1605	79003129	Lê Ngọc Nam Phương	01/01/2008	7.5		1420
1606	79011802	Lê Nguyễn Nhã Phương	30/08/2008	7.5		1540
1607	79037188	Lê Phạm Nam Phương	01/06/2007	6		
1608	79105908	Mai Hoàng Cúc Phương	25/08/2008	6		
1609	79062314	Ngô Yến Phương	30/01/2008	6		1350
1610	79105909	Nguyễn Bảo Phương	10/06/2008	6.5		
1611	79011804	Nguyễn Dương Mai Phương	07/06/2008	6.5		1380
1612	79006394	Nguyễn Hà Mỹ Phương	26/10/2008	6.5		
1613	79062315	Nguyễn Hà Thủy Phương	30/04/2008	6.5		
1614	79069880	Nguyễn Hoàng Nam Phương	04/05/2008	7.5		
1615	79000537	Nguyễn Mai Phương	04/10/2007	7		
1616	79010710	Nguyễn Nam Phương	28/02/2008	7.5		
1617	79059690	Nguyễn Ngọc Nam Phương	24/05/2008	8		1500
1618	79011806	Nguyễn Phan Nhã Phương	02/10/2008	7		
1619	79011807	Nguyễn Quỳnh Phương	24/11/2008	6		
1620	79088223	Nguyễn Thị Cẩm Phương	28/03/2008	6		
1621	79069881	Nguyễn Trúc Phương	12/03/2008	6.5		
1622	79003822	Nguyễn Trương Ánh Phương	23/11/2008	7		
1623	79105913	Phạm Hoàng Phương	09/04/2008	7		
1624	79003131	Phạm Ngọc Nguyên Phương	19/09/2008	6		
1625	79037191	Phan Mai Phương	06/12/2007	7.5		1470
1626	07932950	Tạ Đoàn Minh Phương	15/03/2007	6.5		1400
1627	79011811	Thân Hà Phương	25/03/2008	6		
1628	79011812	Trần Hà Đông Phương	12/04/2008	6		
1629	66023028	Trần Hoài Bảo Phương	13/10/2008	6		
1630	52000329	Trần Lan Phương	15/04/2008	7		
1631	92012244	Trần Mai Lan Phương	29/05/2008	6		
1632	79011813	Trần Ngọc Thanh Phương	08/04/2008	6		
1633	79011814	Trần Nguyễn Khánh Phương	09/05/2008	7		1500
1634	79016963	Trần Quý Phương	16/12/2008	6		
1635	48017823	Võ Phạm Khả Phương	05/07/2008	6		
1636	79062317	Vũ Nam Phương	30/03/2008	7.5		
1637	48024952	Đặng Trần Anh Quân	25/02/2008	6		
1638	79052598	Đỗ Minh Quân	09/08/2008	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1639	79062321	Hồ Nguyễn Minh Quân	13/01/2008	7		
1640	79011819	Lê Anh Quân	18/04/2008	7.5		
1641	79109077	Lê Hoàng Quân	06/04/2008	7		
1642	82028069	Lê Hoàng Quân	09/09/2008	6		
1643	79011820	Lê Mỹ Quân	11/09/2008	7		1480
1644	79109079	Lư Nguyễn Anh Quân	10/01/2008	7		
1645	79050278	Nguyễn Anh Quân	05/12/2008	6		
1646	48011669	Nguyễn Hoàng Quân	06/12/2008	6		
1647	79006397	Nguyễn Hoàng Quân	28/09/2008	7.5		
1648	79010716	Nguyễn Hoàng Quân	15/04/2008	7		
1649	79003138	Nguyễn Minh Quân	20/09/2008	8.5		1590
1650	79059040	Nguyễn Trung Quân	06/06/2008	6		
1651	79006002	Nguyễn Tùng Quân	11/02/2008	7.5		
1652	52000336	Phạm Hoàng Quân	15/02/2008	6		
1653	79105921	Tôn Khải Minh Quân	16/11/2008	7.5		
1654	79062324	Trần Minh Quân	26/02/2008	7		
1655	92022291	Triệu Long Quân	28/04/2008	6		
1656	48011675	Võ Hoàng Quân	02/10/2008	7.5		1400
1657	79011816	Dương Phú Quang	18/10/2008	8		1560
1658	79105917	Huỳnh Phương Quang	18/11/2008	7		1430
1659	79083134	Lê Kim Quang	29/06/2008	6		
1660	79011817	Ngô Nhật Quang	25/10/2008	7.5		1490
1661	01030565	Nguyễn Khắc Minh Quang	20/05/2008	6.5		
1662	66023033	Nguyễn Minh Quang	18/04/2008	6		
1663	79062319	Nguyễn Ngọc Quang	19/08/2008	7		1350
1664	38002688	Nguyễn Nhật Quang	10/11/2008	7		
1665	79109076	Nguyễn Trần Minh Quang	18/07/2008	6		
1666	79052597	Trần Đình Quang	08/07/2008	6.5		
1667	79098329	Trần Minh Quang	18/02/2008	7.5		
1668	79011824	Lâm Phan Tấn Quốc	24/07/2008	7.5		
1669	79052602	Võ Khải Quốc	29/08/2008	7.5		1480
1670	79006004	Đỗ Thành Quý	28/06/2008	7		
1671	46003219	Lê Ngọc Quý	05/09/2008	6.5		
1672	79109085	Nguyễn Thanh Quý	02/01/2008	7		
1673	82028074	Lê Bảo Xuân Quyên	09/09/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1674	79087602	Lê Ngọc Trúc Quyên	20/08/2008	6		
1675	51006758	Nguyễn Lê Nhật Quyên	13/07/2008	6		
1676	79000562	Nguyễn Ngọc Phương Quyên	22/03/2008	6.5		
1677	79050290	Nguyễn Thùy Quyên	15/03/2008	7		
1678	80018556	Nguyễn Trần Thùy Quyên	20/03/2008	7.5		
1679	48017848	Phan Trúc Quyên	05/02/2008	6		
1680	79003142	Lê Tôn Quyền	18/06/2008	6		
1681	79002541	Trần Võ Nhật Quyền	27/12/2008	7.5		
1682	01020325	Bùi Diệu Quỳnh	08/01/2008	6.5		
1683	66030605	Đặng Thị Nhật Quỳnh	02/02/2008	7		
1684	79019196	Dương Ngọc Diễm Quỳnh	23/12/2008	6.5		
1685	79011830	Hoàng Ngọc Quỳnh	18/03/2008	7		1350
1686	51006765	Lữ Ngọc Như Quỳnh	23/12/2008	7		
1687	79098341	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	07/05/2008	6		
1688	79088245	Nguyễn Như Quỳnh	13/09/2007	6.5		
1689	80018565	Nguyễn Trần Nhã Quỳnh	20/03/2008	8		
1690	79006013	Phạm Ngọc Khánh Quỳnh	30/11/2008	6		
1691	79017011	Phạm Nhã Quỳnh	28/10/2008	7.5		
1692	79021140	Phạm Như Quỳnh	03/03/2008	6		
1693	07989643	Phạm Thúy Quỳnh	13/07/2008	6		
1694	79011833	Phạm Trúc Quỳnh	19/03/2008	8		1470
1695	79003144	Phùng Ngọc Đan Quỳnh	13/06/2008	7.5		
1696	48001080	Thái Bảo Quỳnh	06/10/2008	6		
1697	66023077	Trần Ngọc Quỳnh	25/07/2008	6		
1698	79017015	Trịnh Diễm Quỳnh	01/12/2008	6		
1699	79098349	Võ Như Quỳnh	16/06/2008	6		
1700	79017019	Ngô Cao Linh San	01/09/2008	6		
1701	79050298	Nguyễn Hà San	08/06/2008	7.5		
1702	79062330	Lê Hồng Ngọc Sang	27/08/2008	6		
1703	79098352	Nguyễn Hải Sang	06/08/2008	6		
1704	79103069	Nguyễn Văn Tấn Sang	25/08/2008	6		
1705	79109098	Trần Quang Sang	18/11/2008			1350
1706	48011936	Nguyễn Ngọc Sáng	18/02/2008	6		
1707	79036621	Trương Quang Sáng	15/08/2008	6.5		
1708	79103077	Nguyễn Hoàng Sơn	28/09/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1709	79109102	Nguyễn Huỳnh Thiên Sơn	14/01/2008	7.5		
1710	40003965	Nguyễn Trường Sơn	05/08/2008	6		
1711	79131557	Phạm Trần Thái Sơn	01/08/2008	6.5		
1712	48004834	Trần Thái Sơn	19/04/2008	6		
1713	48004835	Trần Thế Sơn	27/01/2008	6		
1714	79002346	Viên Thế Thái Sơn	29/08/2008	6.5		
1715	79105931	Lê Thành Tài	03/04/2008	6.5		
1716	79088261	Nguyễn Khánh Tài	01/04/2008	6.5		
1717	48008947	Nguyễn Tấn Tài	30/05/2008	6		
1718	68023816	Nguyễn Thành Tài	01/01/2008	6.5		
1719	92012270	Bùi Ngô Khánh Tâm	13/05/2008	8		1390
1720	01023083	Đào Thanh Tâm	19/10/2008	7		1460
1721	79109111	Đoàn Đắc Minh Tâm	12/02/2008	6		
1722	75007127	Dương Thảo Tâm	26/07/2008	7		
1723	79069404	Lại Ngọc Minh Tâm	30/12/2008	6		
1724	79011839	Lê Huỳnh Phúc Tâm	10/11/2008	7.5		
1725	91017161	Nguyễn Lý Đăng Tâm	08/07/2008	6		
1726	68005397	Nguyễn ngọc Diệu Tâm	12/02/2008	6		
1727	68032567	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	09/04/2008	6		
1728	79003150	Nguyễn Trang Viết Tâm	06/11/2008	6		
1729	79011845	Nguyễn Vũ Minh Tâm	10/08/2008	6		
1730	80018590	Phạm Lê Phương Tâm	22/07/2008	7.5		1390
1731	79054458	Phạm Nguyễn Thanh Tâm	30/09/2008	7.5		
1732	46003261	Tôn Nữ Minh Tâm	11/11/2008	7		
1733	79011847	Trịnh Minh Tâm	27/12/2008	6.5		
1734	79109114	Bùi Minh Tân	23/10/2008	7		
1735	86011844	Đoàn Minh Tân	10/11/2008	6.5		
1736	66030625	Lê Phúc Tân	12/04/2008	7		1460
1737	79062341	Tô Đình Duy Tân	03/07/2008	6.5		
1738	79006414	Nguyễn Hoàng Tấn	29/04/2008	6		
1739	79006415	Đinh Quốc Thái	01/05/2008	6		
1740	79003873	Đỗ Khắc Thái	12/02/2008	6		
1741	79061806	Hoàng Nguyên Thái	01/05/1996	7		
1742	79033529	Lê Duy Thái	17/10/2008	6		
1743	86005474	Lê Minh Thái	04/01/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1744	79049314	Nguyễn Lâm Thái	27/10/2008	6.5		
1745	01030640	Nguyễn Phúc Thắng	13/12/2008	7		1480
1746	79011866	Trần Đức Thắng	28/07/2008	6.5		
1747	79000597	Châu Hồng Bảo Thanh	04/11/2007	6.5		
1748	91016398	Huỳnh Lê Đan Thanh	08/09/2008	6		
1749	79098731	Lê Hoàng Mỹ Thanh	30/03/2008	6.5		
1750	91016402	Nguyễn Đan Thanh	15/12/2008	6.5		
1751	80005046	Nguyễn Lê Đan Thanh	25/08/2008	6.5		
1752	79005523	Nguyễn Thiên Thanh	01/06/2008	6		
1753	79089138	Phạm Duy Phương Thanh	09/08/2007	6.5		
1754	91016406	Phạm Ngọc Băng Thanh	02/03/2008	6		
1755	79126294	Phan Hà Thanh	09/05/2008	7		1500
1756	79001103	Sử Ngọc Thanh	02/09/2008	6		
1757	79011852	Trần Vân Thanh	23/09/2008	7		
1758	79011853	Trương Mỹ Thanh	26/02/2008	7		1410
1759	79006418	Bùi Huỳnh Công Thành	16/04/2008	6.5		
1760	79048630	Đỗ Ngọc Thành	05/07/2008	7.5		
1761	79050312	Huỳnh Công Thành	30/07/2008	6.5		
1762	79011854	Huỳnh Nhật Thành	31/10/2008	6		
1763	79105943	Huỳnh Phú Thành	03/04/2008	7		
1764	79011855	Lê Hữu Công Thành	12/12/2008	6.5		
1765	79054480	Nguyễn Nam Thành	01/06/2008	6		
1766	79033538	Nguyễn Văn Thành	26/03/2008	7.5		
1767	79092097	Phạm Trung Thành	04/09/2008	6		
1768	79052618	Trần Thái Thành	09/01/2008	6.5		
1769	51015951	Văn Đức Trường Thành	20/04/2008	6.5		
1770	79017066	Đặng Uyên Thảo	31/12/2008	7.5		
1771	80017838	Đào Ngọc Thảo	22/02/2008	6		
1772	68002211	Đinh Thị Mai Thảo	31/01/2008	6.5		
1773	79052620	Đỗ Thanh Thảo	17/01/2008	7		
1774	79109128	Lê Phương Thảo	24/01/2008	7		
1775	19001950	Ma Phương Thảo	18/12/2008	6.5		
1776	79109130	Mã Thị Thanh Thảo	14/10/2008	6		
1777	79033544	Nguyễn Đình Thanh Thảo	28/04/2008	6.5		
1778	52016798	Nguyễn Đỗ Thảo Thảo	19/01/2008	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1779	48011961	Nguyễn Như Diệu Thảo	03/10/2008	6		
1780	79088284	Nguyễn Phạm Phương Thảo	23/05/2008	6.5		
1781	79011859	Nguyễn Thùy Minh Thảo	09/01/2008	6		
1782	86011860	Phan Minh Thảo	01/08/2008	6		
1783	79011861	Thái Ngọc Phương Thảo	08/08/2008	6		
1784	31028845	Trịnh Phương Thảo	15/01/2008	6		
1785	79011864	Trương Lê Diệu Thảo	09/07/2008	7		
1786	79003881	Bùi Minh Thi	24/07/2008	7		
1787	79109141	Bùi Nguyễn Anh Thi	28/02/2008	6		
1788	79049918	Huỳnh Hoàng Thi	07/03/2008	7		
1789	79011868	Lê Cảnh Giang Thi	29/11/2008	7.5		1460
1790	01046970	Nguyễn Doãn An Thi	27/10/2008	8		1440
1791	52000372	Phan Vũ Bảo Thi	30/04/2008	7.5		1400
1792	79098390	Trương Quang Thi	15/07/2008	6.5		
1793	92012299	Nguyễn Phước Định Thiên	08/12/2008	7		
1794	79021214	Trần Nhật Thiên	04/08/2008	7		
1795	96012467	Lâm Khả Thiện	25/09/2008	7.5		1410
1796	51006812	Ngô Minh Thiện	31/12/2007	6.5		
1797	79033030	Võ Nam Thiện	30/11/2008	6.5		
1798	79062351	Đỗ Quang Trường Thịnh	21/01/2008	7		
1799	79017099	Doãn Quốc Thịnh	17/03/2008	6		
1800	79048051	Lê Nguyễn Phúc Thịnh	16/06/2008	6.5		
1801	86003095	Lê Phước Thịnh	05/11/2007	6.5		
1802	82034845	Ngô Đức Thịnh	12/05/2008	6.5		
1803	79006424	Nguyễn Đỗ Gia Thịnh	12/11/2008	6.5		
1804	79105955	Nguyễn Đỗ Hữu Thịnh	11/01/2008	6		
1805	79064658	Nguyễn Dương Phúc Thịnh	22/03/2008	6		
1806	82011607	Nguyễn Hồ Cao Thịnh	10/03/2007			1360
1807	79043682	Nguyễn Hoàng Thịnh	14/07/2008	6.5		
1808	56009419	Nguyễn Phan Phúc Thịnh	05/11/2008	7		
1809	79006425	Nguyễn Phúc Thịnh	15/06/2008	7		1340
1810	79109147	Nguyễn Quang Thịnh	15/04/2008	7		
1811	79062353	Phan Phú Thịnh	26/07/2008	7		
1812	48024999	Phan Thái Hồng Thịnh	04/06/2008	6		
1813	52000384	Trần Ngọc Thịnh	07/01/2008	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1814	79051943	Đặng Anh Thơ	12/08/2008	6		
1815	79062355	Hồ Hoàng Anh Thơ	24/02/2008	6		
1816	82011609	Nguyễn Anh Thơ	12/10/2007	7		
1817	66030660	Trần Lê Uyên Thơ	17/02/2008	6.5		
1818	56009423	Võ An Bảo Thơ	18/07/2008	6.5		
1819	80005084	Dương Chí Thông	26/02/2008	7.5		
1820	80018632	Hồ Việt Thông	24/11/2008	7		
1821	79062825	Nguyễn Hoàng Bá Thông	19/06/2007	7		1340
1822	79003182	Nguyễn Hữu Thông	29/10/2008	7		
1823	79017121	Triệu Quốc Thông	03/11/2008	6.5		
1824	79088314	Bùi Hồ Minh Thư	23/09/2008	6.5		
1825	79088315	Bùi Minh Thư	01/04/2008	6		
1826	79060223	Đào Anh Thư	05/09/2008	6		
1827	79098411	Đoàn Ngọc Minh Thư	06/02/2008	7		
1828	91020095	Dương Ngọc Minh Thư	03/05/2005	6		
1829	48011988	Hoàng Nguyễn Anh Thư	05/04/2008	6		
1830	79098412	Huỳnh Anh Thư	18/05/2008	7		
1831	79013658	Huỳnh Minh Thư	05/08/2008	6		
1832	79050346	Huỳnh Ngọc Anh Thư	03/08/2008	7		
1833	79021246	Huỳnh Nguyễn Anh Thư	09/02/2008	6.5		
1834	79081866	Huỳnh Thị Kim Thư	02/06/2008	6		
1835	79052640	Lê Anh Thư	08/09/2008	6.5		
1836	79105963	Lê Anh Thư	19/06/2008	6		
1837	51006851	Lê Âu Anh Thư	18/08/2008	6		
1838	79065514	Lê Đỗ Anh Thư	17/07/2008	7.5		
1839	79105964	Lê Hà Anh Thư	19/11/2008	7		
1840	79063311	Lê Minh Thư	19/09/2007	7		1520
1841	79105965	Lê Phúc Minh Thư	16/10/2008	7		
1842	75008598	Lê Uyên Thư	17/04/2008	6.5		
1843	79033569	Lê Viên Hồng Thư	28/02/2008	7		
1844	91033446	Lư Huỳnh Thư	22/11/2008	6.5		
1845	79089706	Lục Anh Thư	12/01/2008	6.5		
1846	79088320	Ngô Minh Thư	01/01/2005	6		
1847	01017340	Nguyễn Anh Thư	22/01/2008	7.5		
1848	79105966	Nguyễn Anh Thư	17/08/2008	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1849	68000586	Nguyễn Diệp Minh Thư	08/04/2008	6.5		
1850	79126346	Nguyễn Hà Anh Thư	28/09/2008	6		
1851	79105967	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	29/07/2008	6.5		
1852	75001553	Nguyễn Minh Thư	16/11/2008	6		
1853	79013663	Nguyễn Minh Thư	02/10/2008	6		
1854	52000402	Nguyễn Ngô Anh Thư	20/11/2008	6		
1855	79109170	Nguyễn Ngọc Kim Thư	03/09/2008	6		
1856	79011894	Nguyễn Ngọc Minh Thư	19/11/2008	6.5		
1857	79063317	Nguyễn Ngọc Minh Thư	16/07/2007	7		
1858	79137642	Nguyễn Nhật Đan Thư	07/02/2008	6		
1859	79109171	Nguyễn Nhật Song Thư	02/10/2008	6.5		
1860	79105969	Nguyễn Phúc Minh Thư	08/08/2008	6		
1861	79011897	Nguyễn Thanh Thư	05/07/2008	7.5		1440
1862	52001962	Nguyễn Trần Anh Thư	18/09/2008	6.5		
1863	79017158	Nguyễn Trịnh Anh Thư	23/10/2008	6		
1864	56008062	Nguyễn Vũ Khánh Thư	09/12/2007	6		
1865	82007973	Phạm Minh Thư	13/12/2008	6.5		
1866	79109173	Phan Hoài Minh Thư	01/12/2008	6.5		
1867	79017163	Trần Hoàng Anh Thư	30/04/2008	6		
1868	79060234	Trần Lê Anh Thư	01/09/2008	7.5		
1869	79011898	Trần Minh Thư	09/02/2008	7.5		
1870	68016583	Trần Nguyễn An Thư	14/05/2008	7		
1871	79062362	Võ Minh Thư	02/01/2008	8		
1872	48022693	Võ Ngọc Anh Thư	21/04/2008	7		
1873	79111828	Võ Ngọc Anh Thư	09/10/2008	6		
1874	79017166	Võ Ngọc Minh Thư	31/10/2008	6		
1875	79011899	Võ Việt Anh Thư	06/12/2008	6		
1876	01013199	Trương Minh Thuận	01/06/2008	7		
1877	79088308	Trần Võ Gia Thục	11/03/2008	7		
1878	56016742	Dương Trọng Thức	01/01/2007	6		
1879	31044182	Hoàng Anh Thương	06/06/2008	6.5		
1880	79127230	Nguyễn Ngọc Minh Thương	30/03/2008	6.5		
1881	79047555	Trần Thị Thanh Thương	03/02/2008	6		
1882	79047556	Trần Hồng Hoàng Thương	03/09/2008	6		
1883	79003883	Nguyễn Mai Phương Thủy	12/03/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1884	79011878	Lê Nguyên Ngọc Thùy	20/08/2008	6		
1885	79011879	Châu Minh Thùy	11/12/2008	7.5		
1886	79017133	Đinh Ngọc Thùy	18/04/2008	6		
1887	79127220	Đỗ Phương Thùy	01/03/2008	6		
1888	79109158	Nguyễn Minh Thùy	16/09/2008	6.5		
1889	56007495	Trần Lê Thùy	15/10/2008	7		
1890	66030670	Trần Nguyễn Phương Thùy	30/09/2008	8		
1891	01023096	Lê Hương Thủy	01/11/2008	6.5		
1892	79054504	Phạm Thu Thủy	16/10/2008	6		
1893	79003187	Đặng Quân Thụy	15/10/2008	6		
1894	79003886	Hồ Gia Thụy	02/10/2008	6		
1895	52012417	Nguyễn Thuyên Thuyên	30/09/2008	6.5		
1896	79059752	Chu Nguyễn Bảo Thy	29/04/2008	6		
1897	79065518	Đặng Trương Minh Thy	07/08/2008	7.5		
1898	79006032	Dương Thanh Thy	22/07/2008	6.5		
1899	79011901	Huỳnh Ngọc Bảo Thy	10/10/2008	8		
1900	66023204	Huỳnh Thị Bảo Thy	27/06/2008	7.5		
1901	79105983	Lại Ngọc Mai Thy	21/08/2008	7		
1902	48012004	Nguyễn Bảo Thy	28/11/2008	6.5		
1903	56009445	Nguyễn Đình Minh Thy	30/05/2008	6		
1904	75026173	Nguyễn Hà Bảo Thy	29/10/2008	6		
1905	66023211	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	13/12/2008	6		
1906	79006452	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	14/02/2008	6.5		
1907	79050363	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	24/06/2008	6		
1908	79017174	Nguyễn Ngọc Khánh Thy	07/11/2008	6		
1909	91016477	Nguyễn Phúc Anh Thy	17/05/2008	6		
1910	48025021	Nguyễn Xuân Thy	09/06/2008	6.5		
1911	79006454	Phạm Anh Thy	11/02/2008	7		
1912	79011902	Phạm Bảo Nguyên Thy	07/01/2008	7.5		1430
1913	79109181	Phạm Hồ Việt Thy	21/01/2008	7		
1914	79006455	Phạm Phương Thy	28/01/2008	6.5		
1915	79011903	Phan Nguyễn Bảo Thy	05/01/2008	6.5		
1916	79006035	Trần Thụy Bảo Thy	02/10/2008	7		
1917	79105988	Trần Võ Anh Thy	26/07/2008	7		
1918	79092161	Trương Ngọc Bảo Thy	10/07/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1919	79003894	Trương Ngọc Minh Thy	20/05/2008	7		
1920	46003350	Từ Châu Khánh Thy	23/02/2008	7.5		
1921	79011347	Võ Gia Tường Thy	15/08/2008	6		
1922	79011906	Võ Nguyễn Bảo Thy	15/01/2008	6		
1923	79098429	Đặng Hồng Tiên Tiên	02/01/2008	6		
1924	79033587	Đoàn Cát Tiên	03/05/2008	7		
1925	79126365	Dương Thị Cẩm Tiên	20/07/2008	7.5		
1926	75043416	Lê Thị Thủy Tiên	27/08/2008	7.5		
1927	79125261	Nguyễn Thị Thủy Tiên	22/05/2008	6		
1928	92012342	Trần Phụng Tiên	10/04/2008	7		
1929	79052648	Trương Mỹ Tiên	10/05/2008	6.5		
1930	52001984	Lê Đồng Tiến	21/04/2008	6		
1931	79137091	Lê Nhật Tiến	16/10/2008	6		
1932	79010831	Lê Việt Tiến	02/12/2008	6.5		
1933	79105993	Nguyễn Duy Tiến	15/08/2008	6.5		
1934	79011912	Nguyễn Minh Tiến	13/12/2008	6		
1935	92022364	Nguyễn Minh Tiến	19/06/2008	6		
1936	79105995	Nguyễn Nhật Tiến	08/09/2008	7.5		
1937	79131129	Nguyễn Việt Tiến	17/01/2008	7.5		
1938	75011203	Phạm Chân Tín	16/11/2008	7.5		
1939	79004898	Hoàng Công Khánh Toàn	22/04/2008	8		1370
1940	79011920	Nguyễn tấn Toàn	03/11/2008	6		
1941	79062848	Phạm Khánh Toàn	30/08/2008	7.5		
1942	66003435	Lương Hồng Thanh Trà	05/12/2008	7.5		1440
1943	79006462	Nguyễn Nhật Hương Trà	19/11/2008	6.5		
1944	79006463	Son Trà	16/10/2008	6		
1945	51006900	Bùi Bích Trâm	06/09/2008	7		
1946	82013585	Bùi Phạm Ngọc Trâm	08/04/2008	6		
1947	79011927	Đoàn Ngọc Quỳnh Trâm	22/04/2008	6.5		
1948	48012041	Đoàn Thị Ngọc Trâm	09/04/2008	6		
1949	79059764	Huỳnh Đăng Ngọc Trâm	14/03/2008	6.5		
1950	79055899	Lê Ngọc Trâm	19/09/2008	6		
1951	79125283	Mai Ngọc Bảo Trâm	08/10/2008	6		
1952	79017215	Nguyễn Kiều Bảo Trâm	19/01/2008	6.5		
1953	79037725	Nguyễn Lê Huỳnh Trâm	18/11/2007	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1954	79011352	Nguyễn Ngô Thanh Trâm	17/01/2008	7		
1955	79109244	Nguyễn Phan Mỹ Trâm	06/08/2008	6		
1956	79011932	Nguyễn Quỳnh Bảo Trâm	14/04/2008	7.5		1410
1957	79011933	Nguyễn Thị Thùy Trâm	13/06/2008	6.5		
1958	79119786	Nguyễn Thị Thùy Trâm	06/10/2008	7.5		
1959	79101328	Phạm Huỳnh Phương Trâm	01/08/2008	6.5		
1960	79123778	Phạm Nguyễn Ngọc Trâm	18/10/2008	6.5		
1961	79069982	Quách Nguyễn Bảo Trâm	17/08/2008	7.5		
1962	51006909	Tạ Lê Bảo Trâm	06/05/2008	6		
1963	79014329	Trần Ngọc Trâm	21/09/2008	6.5		
1964	86024561	Trần Ngọc Trâm	23/09/2008	6		
1965	79003904	Trần Ngọc bảo Trâm	08/03/2008	6		
1966	79109256	Trương Bảo Trâm	09/02/2008	6		
1967	79011935	Trương Lê Thảo Trâm	25/01/2008	7		
1968	48004441	Võ Lê Bảo Trâm	20/10/2008	7.5		
1969	82028193	Châu Minh Trâm	01/08/2008	6		
1970	79050394	Đặng Nguyễn Bảo Trâm	17/11/2008	7.5		
1971	79089764	Hà Nguyễn Bảo Trâm	12/05/2008	7		
1972	79106008	Huỳnh Nam Trâm	13/01/2008	6.5		
1973	79006477	Lâm Tú Trâm	07/11/2008	6.5		
1974	80005149	Lê Bảo Trâm	25/03/2008	6		
1975	79006479	Lê Nguyễn Bảo Trâm	28/09/2008	7		
1976	79088354	Lý Khả Trâm	26/08/2008	6.5		
1977	79011937	Nguyễn Bảo Trâm	19/09/2008	6.5		1390
1978	79126392	Nguyễn Lê Bảo Trâm	24/09/2008	6.5		
1979	66023279	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	22/10/2008	6.5		
1980	79003908	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	22/09/2008	6.5		
1981	79006482	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	12/01/2008	7.5		
1982	79109262	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	17/05/2008	7		
1983	79017230	Nguyễn Ngọc Hoàng Trâm	06/01/2008	6		
1984	75000621	Nguyễn Ngọc Phương Trâm	26/05/2008	6.5		
1985	79052667	Nguyễn Trần Huyền Trâm	16/06/2008	6		
1986	79098444	Phạm Nguyễn Bảo Trâm	22/10/2008	6		
1987	86000466	Phan Thị Ngọc Trâm	04/01/2008	6		
1988	79010861	Tăng Thế Bảo Trâm	30/04/2008	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1989	79052668	Thân Nguyễn Bảo Trân	26/04/2008	6		
1990	82031240	Tô Ngọc Trân	07/04/2008	6		
1991	33001540	Trần Bảo Trân	22/02/2008	8		1530
1992	48012057	Trần Bảo Trân	23/03/2008	7.5		
1993	66018403	Trần Huyền Trân	05/01/2008	6		
1994	79011357	Trần Ngọc Mai Trân	30/03/2008	7		
1995	52000437	Trần Nguyễn Quế Trân	23/02/2008	6		
1996	51006914	Trương Nguyễn Bảo Trân	18/11/2008	7		
1997	79006485	Võ Châu Huyền Trân	22/08/2008	6.5		
1998	79001142	Đặng Nguyễn Thảo Trang	23/06/2008	6.5		
1999	79109207	Diệp Hà Yến Trang	10/05/2008	6.5		
2000	79017202	Đinh Ngọc Trang	18/04/2008	6		
2001	75001590	Đinh Trần Phương Trang	14/08/2008	6		
2002	79084880	Đỗ Ngọc Yến Trang	04/08/2008	6		
2003	79049936	Lê Ngọc Thùy Trang	19/09/2008	6		
2004	75000605	Lê Thị Thùy Trang	31/01/2008	7		
2005	79011921	Lý Phước Minh Trang	10/07/2008	6.5		
2006	79003900	Mã Thị Huyền Trang	28/09/2008	6.5		
2007	79003901	Nguyễn Hà Trang	18/08/2008	7.5		1550
2008	79135282	Nguyễn Hoàng Mai Trang	17/12/2008	7		
2009	48004436	Nguyễn Lê Khánh Trang	27/06/2008	7.5		1340
2010	48004437	Nguyễn Lê Thảo Trang	27/06/2008	7.5		1440
2011	79052006	Nguyễn Minh Trang	10/09/2008	7		
2012	79069972	Nguyễn Ngọc Phương Trang	01/01/2008	6.5		
2013	79062849	Nguyễn Thị Hương Trang	23/04/2008	6		
2014	25000688	Nguyễn Thị Mai Trang	03/08/2008	7		
2015	48012036	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	09/01/2008	6.5		
2016	79006047	Trần Ngọc Thảo Trang	05/01/2008	6.5		
2017	79017211	Vũ Yến Trang	20/12/2008	7.5		
2018	52013121	Huỳnh Võ Viễn Trí	28/10/2008	7.5		
2019	79014339	Bùi Ngọc Đức Trí	28/07/2008	6		
2020	79098447	Dương Khải Trí	14/04/2008	7		1390
2021	82006103	Dương Trương Thượng Trí	16/08/2008	6		
2022	48012059	Huỳnh Phước Trí	01/03/2008	7		
2023	79011944	Lê Nguyễn Minh Trí	08/02/2008	7.5		1360

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
2024	79106015	Lưu Minh Trí	20/12/2008	7		
2025	79006488	Nguyễn Ngọc Minh Trí	22/01/2008	6		
2026	79052673	Nguyễn Thành Trí	10/01/2008	7		
2027	79011948	Nguyễn Tô Minh Trí	24/01/2008	8		1520
2028	51006917	Nguyễn Trần Phùng Trí	13/09/2008	7		1410
2029	86011926	Phan Hữu Trí	19/06/2008	7		
2030	48012062	Tạ Minh Trí	03/11/2008	7		
2031	66030722	Tôn Thất Hoàng Trí	10/11/2008	8		
2032	91015733	Trần Đức Trí	07/12/2008	6		
2033	48010580	Trần Minh Trí	31/12/2008	6.5		
2034	79011954	Trương Quang Minh Trí	02/01/2008	6.5		
2035	79003230	Hồ Ngọc Triển	09/01/2008	7		
2036	48012065	Đỗ Minh Triết	19/10/2008	6		
2037	79011956	Lương Tuệ Triết	19/10/2008	6.5		
2038	79002737	Nhan Minh Triết	04/03/2008	6.5		
2039	79106017	Trịnh Minh Triết	01/03/2008	6		
2040	79134236	Võ Đình Minh Triết	07/11/2008	6		
2041	79003914	Vũ Gia Triết	28/05/2008	6		1410
2042	01030669	Phạm Hải Triều	03/10/2008	6		
2043	79072069	Lê Thanh Triệu	19/12/2008	6		
2044	80005169	Đặng Ngọc Phương Trinh	12/03/2008	6		
2045	01036649	Đỗ Hà Trinh	13/12/2008	6		
2046	79052676	Đoàn Ngọc Trinh	29/08/2008	6		
2047	79052678	Phan Kiều Trinh	08/09/2008	6		
2048	66030726	Huỳnh Thái Trinh	18/08/2008	6		
2049	48004445	Lê Minh Trọng	26/05/2008	6.5		1400
2050	01030670	Lục Hoàng Minh Trọng	23/02/2008	6		
2051	79029588	Võ Trần Đức Trọng	02/11/2008	7		
2052	79023654	Bùi Thanh Trúc	31/07/2008	7		
2053	79131678	Hoàng Thị Thanh Trúc	14/10/2008	6		
2054	79050412	Lâm Nhã Trúc	04/09/2008	6.5		
2055	79048118	Lê Nguyễn Thanh Trúc	15/10/2008	6		
2056	86029754	Lê Thanh Trúc	01/10/2008	6		1510
2057	79011959	Lê Vũ Thủy Trúc	26/01/2008	6.5		
2058	79065535	Nguyễn Hà Ngọc Trúc	05/06/2008	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
2059	79052680	Nguyễn Phương Trúc	22/11/2008	6		
2060	79011963	Nguyễn Thanh Trúc	14/04/2008	7		
2061	79050414	Phạm Ngọc Thanh Trúc	07/12/2008	7		
2062	79126409	Phạm Thanh Trúc	30/01/2008	7		
2063	79011964	Phan Xuân Trúc	16/02/2008	7.5		
2064	91000808	Trương Lê Ngọc Trúc	16/07/2008	7		1380
2065	79133379	Võ Lê Thanh Trúc	10/07/2008	6		
2066	79059163	Đặng Ngọc Thiên Trung	27/09/2008	6.5		
2067	79006498	Mai Thành Trung	23/04/2008	6		
2068	82008024	Nguyễn Chánh Trung	11/09/2008	7.5		
2069	79114776	Võ Minh Trung	23/01/2008	6.5		
2070	79006504	Lê Hoàng Minh Trường	25/08/2008	7.5		1380
2071	79011969	Lê Vũ Xuân Trường	29/03/2008	7		1530
2072	01013258	Nguyễn Khánh Trường	13/10/2008	6.5		
2073	40029919	Trần Tử Trường	22/01/2007	6.5		
2074	79003917	Cao Gia Tú	27/01/2008	7		
2075	79011970	Đỗ Hoàng Tuấn Tú	08/05/2008	7.5		1430
2076	79003918	La Hoàng Cẩm Tú	27/09/2008	6		
2077	79052683	Lê Hoàng Tú	22/04/2008	7		
2078	79106023	Lê Tuấn Tú	30/10/2008	6.5		
2079	56008873	Lưu Anh Tú	12/10/2008	7.5		
2080	79011973	Nguyễn Gia Tú	05/04/2008	7		
2081	79059790	Nguyễn Lương Anh Tú	01/01/2008	6.5		
2082	79106024	Nguyễn Thái Minh Tú	02/06/2008	7		
2083	68002317	Phan Minh Tú	09/07/2008	6		
2084	79126421	Bùi Đức Tuấn	12/02/2008	6		
2085	40004692	Đặng Ngọc Anh Tuấn	04/09/2008	7		
2086	79003921	Đỗ Minh Tuấn	10/06/2008	7		
2087	79011974	Hồ Hà Việt Tuấn	20/10/2008	7		1360
2088	79033649	Huỳnh Anh Tuấn	12/02/2008	6		
2089	75000644	Lê Minh Tuấn	13/11/2008	6		
2090	79011975	Lê Vũ Trọng Tuấn	21/03/2008	6.5		
2091	79052689	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	13/11/2008	6		
2092	75007240	Nguyễn Hoàng Đức Tuấn	20/06/2008	6.5		
2093	48012085	Nguyễn Minh Tuấn	06/03/2008	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
2094	79011977	Nguyễn Minh Tuấn	01/03/2008	8		
2095	82028230	Nguyễn Minh Tuấn	10/05/2008	6.5		
2096	79106029	Nguyễn Phan Anh Tuấn	12/11/2008	6.5		
2097	79106031	Phạm Anh Tuấn	22/04/2008	7		
2098	79062870	Phạm Đức Tuấn	25/02/2008	6		
2099	86015760	Phạm Nguyên Tuấn	21/06/2008	7.5		
2100	92013659	Phan Anh Tuấn	09/03/2008	6.5		
2101	79109295	Phan Lê Tuấn	28/06/2008	8		
2102	79003922	Phan Minh Tuấn	04/02/2008	7.5		1400
2103	01076364	Tạ Gia Huy Tuấn	03/12/2008	6		
2104	79127271	Vũ Đình Minh Tuấn	28/10/2008	6		
2105	68018065	Nguyễn Đăng Gia Tuệ	29/02/2008	7.5		
2106	48030570	Nguyễn Trần Gia Tuệ	14/09/2008	6		
2107	91016555	Phạm Gia Tuệ	04/01/2008	6.5		
2108	92009468	Phan Đình Tuệ	01/12/2008	6		
2109	25035885	Phan Trọng Tuệ	23/06/2007	7.5		
2110	48012088	Trần Anh Tuệ	20/08/2008	6.5		
2111	79003924	Trương Gia Tuệ	16/07/2008	6		
2112	79062874	Dương Gia Bảo Tùng	05/04/2008	6		
2113	51006956	Ngô Bá Tùng	15/03/2008	6		
2114	79052651	Nguyễn Anh Minh Tùng	03/03/2008	6.5		
2115	79131179	Nguyễn Xuân Tùng	17/08/2007	6		
2116	01013987	Phạm Hoàng Tùng	13/04/2008	6.5		
2117	92022407	Phan Nhựt Tùng	13/06/2008	7		
2118	79000691	Trần Minh Tùng	21/10/2004	7.5		1430
2119	82009191	Võ Thanh Tùng	03/07/2008	7		
2120	79011393	Chung Vĩ Tường	24/10/2008	6.5		
2121	82035029	Đặng Thái Tường	17/04/2008	6.5		
2122	79021315	Dương Thế Tường	20/03/2008	7		
2123	66023336	Lâm Ngọc Cát Tường	12/01/2008	6		
2124	79126430	Võ Bùi Cát Tường	21/12/2008	7.5		1580
2125	91016560	Lê Ngọc Minh Tuyết	10/02/2008	6		
2126	79133398	Nguyễn Ngọc Tỷ	05/03/2008	7.5		
2127	79088384	Nguyễn Đức Uy	24/12/2008	7		
2128	82028241	Bùi Thị Thảo Uyên	27/09/2008	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
2129	52022850	Đặng Bảo Uyên	01/03/2008	6.5		
2130	79006515	Đỗ Ngọc Phương Uyên	07/07/2008	7		
2131	79003926	Đỗ Thụy Mỹ Uyên	21/10/2008	6		
2132	79055939	Đỗ Xuân Uyên	20/06/2008	6		
2133	79106036	Lâm Nhã Uyên	03/01/2008	7.5		
2134	79011403	Ngô Lê Nhã Uyên	18/12/2008	8		
2135	79006517	Nguyễn Hoàng Mai Uyên	19/09/2008	7		
2136	79098478	Nguyễn Huỳnh Minh Uyên	06/09/2008	6.5		
2137	79006518	Nguyễn Huỳnh Thanh Uyên	15/03/2008	7.5		1400
2138	79088388	Nguyễn Lê Bảo Uyên	20/02/2008	6		
2139	79017309	Nguyễn Ngọc Thanh Uyên	02/06/2008	7.5		
2140	79011988	Nguyễn Phạm Minh Uyên	12/01/2008	7		
2141	79011989	Nguyễn Phan Tường Uyên	02/04/2008	8		1500
2142	79003927	Nguyễn Tú Uyên	23/07/2008	7.5		
2143	79003928	Phạm Châu Minh Uyên	03/03/2008	7		1450
2144	79006525	Phạm Hoàng Phương Uyên	05/02/2008	6		
2145	86015775	Phạm Khánh Uyên	28/12/2008	6		
2146	79011990	Phạm Minh Uyên	28/11/2008	8		1560
2147	52024234	Phan Phương Uyên	27/10/2008	6		
2148	79006527	Tăng Gia Uyên	18/04/2008	6		
2149	79126434	Trần Ngọc Phương Uyên	24/07/2008	6		
2150	79070021	Trần Phương Uyên	21/08/2008	6		
2151	79070022	Trần Thùy Mỹ Uyên	17/11/2008	6		
2152	79011992	Trương Nhã Uyên	21/02/2008	7.5		
2153	79021322	Võ Dương Phương Uyên	12/01/2008	6		
2154	79006532	Đỗ Tường Vân	31/01/2008	6.5		
2155	68001698	Hồ Nguyễn Thanh Vân	04/12/2008	6.5		
2156	79106047	Huỳnh Khánh Vân	12/10/2008	6		
2157	79017319	Lê Thị Kim Vân	17/01/2008	6		
2158	56008151	Lê Trần Khánh Vân	18/09/2008	6		
2159	68007554	Nguyễn Hạnh Vân	03/01/2008	7		
2160	79006534	Nguyễn Mạnh Tường Vân	15/01/2008	7		
2161	79101403	Nguyễn Nguyễn Thanh Vân	21/07/2008	6.5		
2162	79062884	Nguyễn Thị Thảo Vân	13/02/2008	6.5		
2163	66023349	Tổng Khánh Vân	05/01/2008	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
2164	79088400	Trương Thanh Vân	21/05/2008	7		
2165	79062885	Vũ Thanh Vân	29/12/2008	6.5		
2166	79003929	Hoàng Trọng Văn	01/08/2008	6.5		
2167	66030749	Đặng Nguyễn Hà Vi	12/03/2008	6		
2168	86022997	Hồ Thị Thảo Vi	01/04/2008	6		
2169	92012405	Lương Ngọc Ái Vi	20/06/2008	6		
2170	07911996	Nguyễn Bạch Khánh Vi	02/12/2008	6		
2171	79070028	Nguyễn Ngọc Tường Vi	12/05/2008	6		
2172	79128053	Tô Nguyễn Tường Vi	11/07/2008	6		
2173	79017336	Phạm Tiến Vị	25/05/2008	7.5		1430
2174	75000663	Đỗ Trương Hoàng Việt	10/03/2008	7.5		1410
2175	79000703	Dương Minh Quốc Việt	15/01/2008	7.5		
2176	92012409	Mai Ngô Quốc Việt	03/09/2008	7.5		
2177	79003933	Nguyễn Việt	29/06/2008	7		1360
2178	79040279	Nguyễn Dương Thiên Việt	21/11/2008	7.5		
2179	79069459	Nguyễn Lê Hoài Việt	05/06/2008	6		
2180	79062888	Phan Quốc Việt	23/05/2008	7.5		
2181	01031434	Trần Hoàng Việt	13/02/2008	6		
2182	79011998	Võ Hồng Việt	22/12/2008	8		
2183	79003934	Võ Hùng Việt	10/04/2008	6.5		
2184	82032463	Đỗ Thành Vinh	28/07/2008	6.5		
2185	79003936	Lê Võ Phú Vinh	20/10/2008	6		1370
2186	79037313	Nguyễn Công Vinh	23/03/2007	7		
2187	79106050	Nguyễn Công Vinh	08/04/2008	6.5		
2188	79062891	Nguyễn Thị Anh Vinh	07/03/2008	7.5		1400
2189	79088410	Nguyễn Trịnh Phú Vinh	26/05/2008	6.5		
2190	79014385	Nguyễn Tuấn Vinh	24/10/2008	6		
2191	15010729	Phạm Đăng Vinh	13/12/2008	7.5		
2192	79001189	Phạm Trần Quang Vinh	28/10/2008	7.5		
2193	82028252	Thái Quốc Vinh	26/07/2008	7.5		
2194	48000326	Trịnh Nguyễn Nhật Vinh	09/06/2008	7.5		1370
2195	79059812	Vũ Duy Vinh	28/03/2008	7		
2196	79055953	Lê Hoàng Cát Vĩnh	24/07/2008	6		
2197	48025081	Đặng Huy Vũ	08/05/2008	7		
2198	79106053	Lê Doãn Tân Hoàng Vũ	04/03/2008	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
2199	79006541	Nguyễn Thiên Vũ	07/07/2008	6.5		
2200	42005972	Trần Văn Dương Vũ	26/10/2008	6.5		
2201	79062893	Xà Diệp Anh Vũ	31/01/2008	7		
2202	79012001	Lê Thủy Vương	17/11/2008	6		
2203	79025088	Cang Tiểu Vy	30/08/2008	6		
2204	92022434	Cao Nguyễn Khánh Vy	19/03/2008	7		
2205	79033683	Chung Trần Phương Vy	14/10/2008	6.5		
2206	51016085	Đặng Bùi Thảo Vy	01/03/2008	6		
2207	79109319	Đặng Phương Vy	28/10/2008	6		
2208	79050933	Đặng Thảo Vy	13/04/2008	6.5		
2209	79106057	Huỳnh Nguyễn Gia Vy	13/08/2008	7		
2210	79003939	Huỳnh Quang Kim Vy	22/11/2008	6.5		1410
2211	79036050	Lê Khả Vy	01/10/2008	6		
2212	79003287	Lê Thanh Vy	08/08/2008	6.5		
2213	79052713	Lê Thị Hà Vy	14/04/2008	6		
2214	79014394	Lý Anh Vy	16/12/2008	6		
2215	79062896	Nguyễn Đặng Trúc Vy	12/05/2008	6.5		
2216	51001303	Nguyễn Hạ Vy	07/06/2008	6		
2217	79003940	Nguyễn Hà Phương Vy	31/10/2008	7.5		
2218	79098517	Nguyễn Hoàng Phương Vy	14/04/2008	6.5		
2219	75011287	Nguyễn Huyền Khánh Vy	14/03/2008	6		
2220	79003941	Nguyễn Khánh Vy	03/11/2008	7		
2221	79070041	Nguyễn Kiều Vy	17/09/2008	6		
2222	80004013	Nguyễn Lê Thảo Vy	06/12/2008	6		
2223	82028263	Nguyễn Ngọc Phương Vy	07/10/2008	6		
2224	96012578	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	29/10/2008	6		
2225	56019245	Nguyễn Nhật Vy	08/11/2008	7		
2226	79103331	Nguyễn Nhật Phương Vy	31/08/2008	6		
2227	79006552	Nguyễn Phạm Nhật Vy	02/12/2008	6.5		
2228	79070045	Nguyễn Phạm Tường Vy	24/11/2008	6		
2229	79012008	Nguyễn Thị Ngọc Vy	30/06/2008	6.5		
2230	79106069	Phạm Lê Vy	15/09/2008	7.5		
2231	79007621	Phạm Ngọc Uyên Vy	18/11/2008	6		
2232	79088430	Phạm Nguyễn Phương Vy	02/01/2008	6		
2233	79010932	Phan Ngọc Khánh Vy	08/11/2008	7.5		1550

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
2234	79101432	Phan Nguyễn Tường Vy	13/07/2008	6		
2235	79098527	Phan Thảo Vy	20/12/2008	6.5		
2236	79106072	Trần Khánh Vy	15/12/2008	6		
2237	79011419	Trần Lê Vy	25/11/2008	6.5		
2238	79006557	Trần Ngọc Lan Vy	30/05/2008	8.5		
2239	79034098	Trần Nguyễn Phương Vy	27/03/2008	6.5		
2240	80018818	Trần Nguyễn Tường Vy	15/02/2008	6.5		
2241	79109334	Trần Thảo Vy	06/02/2008	6		
2242	79109335	Trần Tường Vy	20/10/2008	6.5		
2243	79001208	Trịnh Nhật Vy	04/01/2008	7		
2244	79106077	Trương Thụy Khánh Vy	13/12/2008	7.5		
2245	79017360	Trương Ý Vy	12/12/2008	6.5		
2246	79062417	Võ Bảo Vy	17/10/2008	6		
2247	79021352	Võ Ngọc Khánh Vy	10/08/2008	7		
2248	79106080	Vương Yến Vy	30/04/2008	6.5		
2249	66031564	Huỳnh Duyên Xuân	24/01/2008	7		
2250	79017364	Phạm Bùi Tâm Y	05/01/2008	7		
2251	79010939	Dương Như Ý	15/10/2008	6		
2252	91016614	Dường Phan Như Ý	09/04/2008	6		
2253	80006526	Nguyễn Ngọc Như Ý	05/06/2008	6.5		
2254	79109338	Nguyễn Thị Như Ý	12/12/2008	7		
2255	79050467	Trần Ngọc Như Ý	07/11/2008	6.5		
2256	79109339	Trần Ngọc Như Ý	01/11/2008	6		
2257	79106092	Võ Trần Như Ý	27/07/2008	6		
2258	66022808	Đặng Nguyễn Yaly	09/03/2008	8		
2259	79012020	Bùi Bảo Yến	17/12/2008	6		
2260	48011743	Đặng Hải Yến	21/01/2007	7		
2261	79012022	Hoàng Mỹ Yến	27/04/2008	7		1510
2262	79070062	Nguyễn Hải Yến	24/10/2008	6.5		
2263	79003950	Nguyễn Võ Hải Yến	16/12/2008	6		
2264	79012024	Phạm Hoàng Yến	04/08/2008	7		
2265	92012451	Trần Nguyễn Kim Yến	03/01/2008	6		
2266	79062901	Trần Thị Kim Yến	21/01/2008	6.5		
2267		Chu Đức An	10/09/2008	6.5		
2268		Trần Vân Anh	17/06/2008	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
2269		Phạm Hoàng Cường	22/09/2008	7.5		
2270		Nguyễn Lê Tâm Di	04/12/2008	6		
2271		Lê Trần Thái Dương	11/01/2008	6		
2272		Hoàng Hồ Ngọc Hà	02/10/2008	6.5		
2273		Lý Bảo Hân	29/07/2008	6.5		
2274		Nguyễn Huy Hoàng	17/08/2008	6.5		
2275		Hồ Phúc Khang	19/02/2008	7		
2276		Nguyễn Hà Linh	02/02/2008	6.5		
2277		Nguyễn Ngọc Phương Linh	31/01/2008	6.5		
2278		Nguyễn Ngọc Hiền Mai	07/12/2008	6.5		
2279		Nguyễn Quang Minh	27/07/2008	7		
2280		Nguyễn Ngọc Phương Nghi	08/08/2007	6.5		
2281		Nguyễn Phạm Như Quỳnh	17/10/2008	7		
2282		Ngô Thiên Sinh	25/11/2008	7		
2283		Đào Nguyễn Anh Thư	07/05/2008	6.5		
2284		Nguyễn Phương Thy	19/05/2008	7		
2285		Trần Phạm Bảo Trâm	09/01/2008	7		
2286		Huỳnh Lê Anh Tuấn	07/11/2007	7.5		
2287		Lê Hữu Uy	12/05/2008	6.5		
2288		Nguyễn Thảo Vân	12/11/2008	6.5		

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH